

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

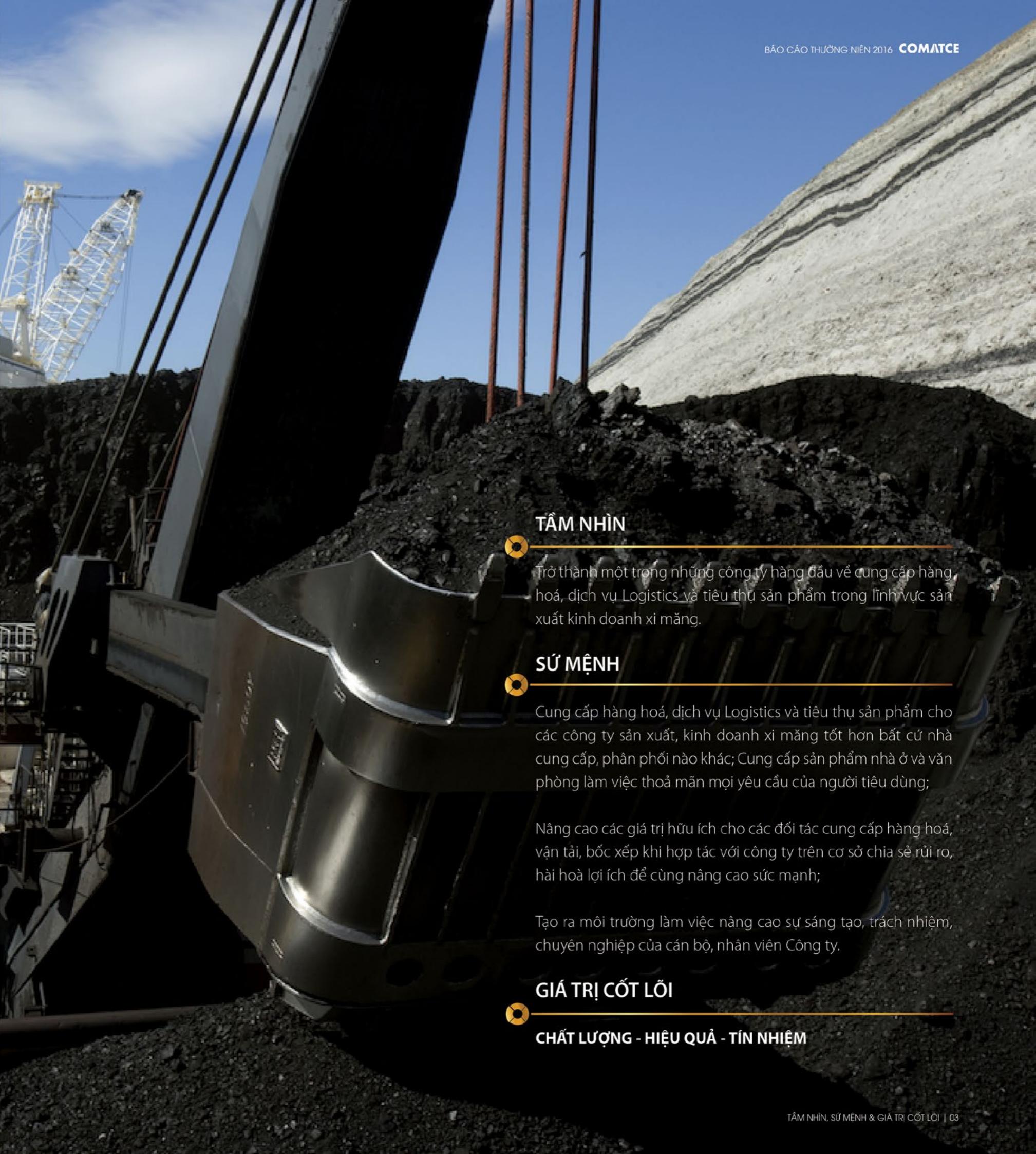


BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN | **2016**

HỢP TÁC  
**THÀNH  
CÔNG**

# Mục Lục

|    |  |
|----|--|
| 04 | Thông Điệp Của Chủ Tịch  |
| 06 | <b>Tổng Quan</b>   |
| 08 | Thông tin khái quát  |
| 09 | Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản                                 |
| 10 | Lịch sử phát triển   |
| 12 | Giải thưởng tiêu biểu  |
| 14 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                 |
| 16 | Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý           |
| 24 | Định hướng phát triển  |
| 25 | Cơ cấu cổ đông   |
| 26 | <b>Kết Quả Hoạt Động Năm 2016</b>                                |
| 28 | Kết quả kinh doanh Than  |
| 30 | Kết quả kinh doanh Vận Tải                                       |
| 32 | Kết quả kinh doanh Bất Động Sản                                  |
| 34 | <b>Hoạt Động Hỗ Trợ Kinh Doanh</b>                               |
| 36 | Công nghệ thông tin  |
| 38 | Quản trị rủi ro  |
| 46 | <b>Báo Cáo Quản Trị</b>  |
| 48 | Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị                          |
| 51 | Báo cáo hoạt động của Ban Giám Đốc                               |
| 57 | Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát                              |
| 58 | Các giao dịch, thù lao, lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS             |
| 59 | <b>Báo Cáo Phát Triển Bền Vững</b>                               |
| 60 | Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về Phát triển Bền vững |
| 61 | Tổng quan báo cáo Phát triển Bền vững                            |
| 63 | Định hướng phát triển bền vững                                   |
| 66 | Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2016                     |
| 76 | <b>Báo Cáo Tài Chính</b>   |
| 78 | Báo cáo Tài chính  |
| 85 | Thuyết minh Báo cáo Tài chính                                    |



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng và đối tác!

Năm 2016, tình hình kinh tế- xã hội của đất nước có nhiều yếu tố khó khăn, thuận lợi, cơ hội và thách thức ảnh hưởng đan xen tới ngành công nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam nói chung và Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) nói riêng, trong đó có Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (VICEM Comatce).

Tăng trưởng GDP của cả nước đạt 6,21%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57% đã thúc đẩy tiêu thụ xi măng trong cả nước đạt gần 59 triệu tấn xi măng, tăng 9,8 % so với năm 2015. Đây là một yếu tố thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Song, trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, giá cả hàng hoá ở mức thấp đã tạo ra những thách thức, cơ hội trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đối với ngành xi măng trong nước, đòi hỏi Công ty phải nhạy bén trong nắm bắt cơ hội và có những giải pháp để đối phó với thách thức.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã đề ra các chủ trương, giải pháp có hiệu quả trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Xác định cơ cấu nguồn than hợp lý, tranh thủ cơ hội giá than thế giới đang thấp để nhập khẩu, Công ty đã duy trì ổn định trong việc cung cấp than cho các công ty xi măng với giá cả cạnh tranh. Các công ty xi măng có điều kiện hạ giá thành sản phẩm, nâng cao thị phần tiêu thụ trong nước, qua đó sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng tăng theo. Năm 2016, tiêu thụ xi măng của VICEM đạt 21,3 triệu tấn, tăng 11,2% so với năm 2015; doanh thu của Công ty đạt 3.261 tỷ đồng tăng 3%, lợi nhuận đạt 72,06 tỷ đồng tăng 31% so với năm 2015.

Đạt được kết quả kinh doanh trên, bên cạnh nỗ lực, cố gắng của Công ty còn có sự hợp tác của các khách hàng và đối tác. Thay mặt Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới các quý vị về sự giúp đỡ quý



báu trong năm qua và xin chúc sự hợp tác giữa chúng ta không ngừng phát triển trong thời gian tới.

Kính thưa các cổ đông!

Năm 2017, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do nội tại của nền kinh tế, do ảnh hưởng của những yếu tố khó lường của kinh tế thế giới như chính sách hạn chế thương mại tự do toàn cầu của Mỹ; kinh tế Trung Quốc chủ trương giảm tốc sau một thời gian dài phát triển nóng.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về tái cơ cấu kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, VICEM Comatce cần phải làm gì để nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển trong những năm sắp tới, đặc biệt sau năm 2020 VICEM không nắm cổ phần chi phối nữa? Làm gì để góp phần xây dựng một VICEM kỷ cương, thống nhất, đoàn kết, phát

triển bền vững trong bối cảnh cung cầu xi măng trong nước đang dư thừa, cạnh tranh quyết liệt trong tiêu thụ nội địa và xuất khẩu?

Đối với VICEM Comatce, hoạt động thương mại vẫn là ngành nghề kinh doanh chính, trong đó than cho sản xuất xi măng là lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi. Tuy nhiên để hạ giá thành sản xuất xi măng, nâng cao khả năng cạnh tranh trong tiêu thụ xi măng thì sử dụng phụ gia xi lò cao trong và ngoài nước là giải pháp có hiệu quả, cần phải phối hợp với các công ty xi măng để khẩn trương triển khai thực hiện, đưa vào sử dụng trong năm nay. Ngoài ra kinh doanh dịch vụ Logistics gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh xi măng của VICEM cũng là một trong những sứ mệnh của Công ty. Vì vậy cần phải cơ cấu lại đội tàu kinh doanh vận tải sông, biển cho phù hợp với tình hình thị trường kinh doanh hiện nay: Triển khai bán 2 con tàu biển Comatce Star và Comatce Sun trong năm nay cũng như từng bước thanh lý đội tàu vận tải sông ở phía Bắc để đầu tư đội tàu vận tải sông ở khu vực phía Nam; đầu tư thiết bị bơm hút xi măng rời cho trạm phân phối xi măng tại Quy Nhơn; nghiên cứu để đầu tư kho bãi, cảng sông phục vụ cho chế biến, kinh doanh than, tiêu thụ xi măng, clinker.

Kinh doanh bất động sản trên cơ sở khai thác có hiệu quả quỹ đất đang sử dụng là một phần trong chiến lược phát triển nhằm góp phần phát triển ổn định Công ty. Cần đẩy mạnh việc bán căn hộ và cho thuê văn phòng của dự án Comatce Tower để nhanh chóng thu hồi vốn, tái đầu tư cũng như triển khai nghiên cứu các dự án khác để đầu tư kinh doanh vào thời điểm thích hợp. Hiện Công ty đang khai thác, sử dụng quỹ đất ở những vị trí có tiềm năng phát triển như Cát Linh - Hà Nội, Ninh Bình, Hoành Thached - Hải Dương, Quảng Ninh, là những nguồn lực tiềm tàng để phát triển trong tương lai.

Để thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp trên, cần phải có bộ máy quản lý và kinh doanh năng động, trách nhiệm. Vì vậy Công ty cần tiếp tục đổi mới quản trị theo hướng phân cấp trách nhiệm cho

người đứng đầu; nâng cao tính chủ động, phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị; tạo ra môi trường làm việc để kích thích sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tận tâm với công việc.

Kính thưa các Quý cổ đông!

Mặc dù năm 2017, dự báo có nhiều khó khăn, thách thức, song với những giá trị cốt lõi đã được khẳng định, trên cơ sở phát huy những thế mạnh của mình, Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng tối đa lợi ích của các cổ đông và nâng cao khả năng cạnh tranh để phát triển bền vững Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**

**CÁI HỒNG THU**

# TỔNG QUAN

Thông tin khái quát

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Lịch sử phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Cơ cấu cổ đông

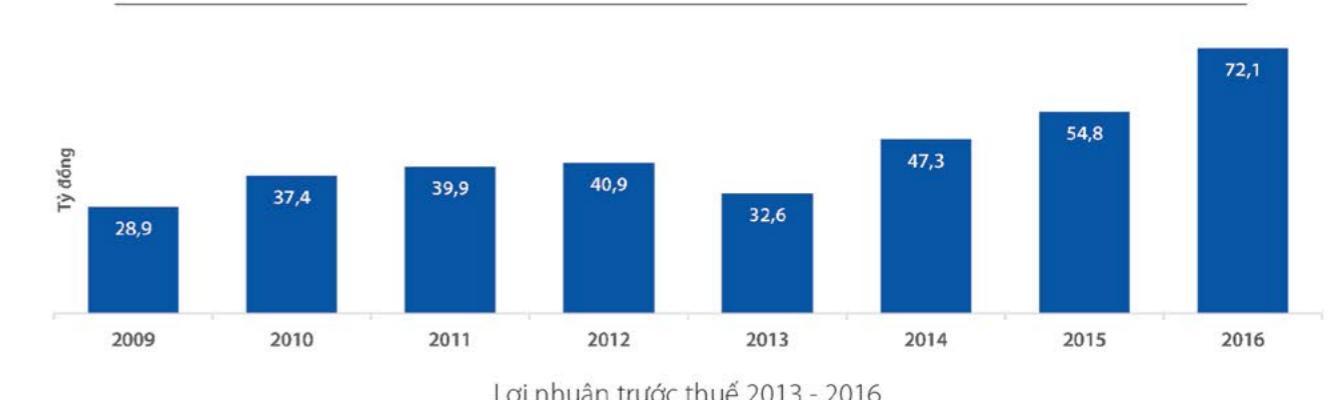
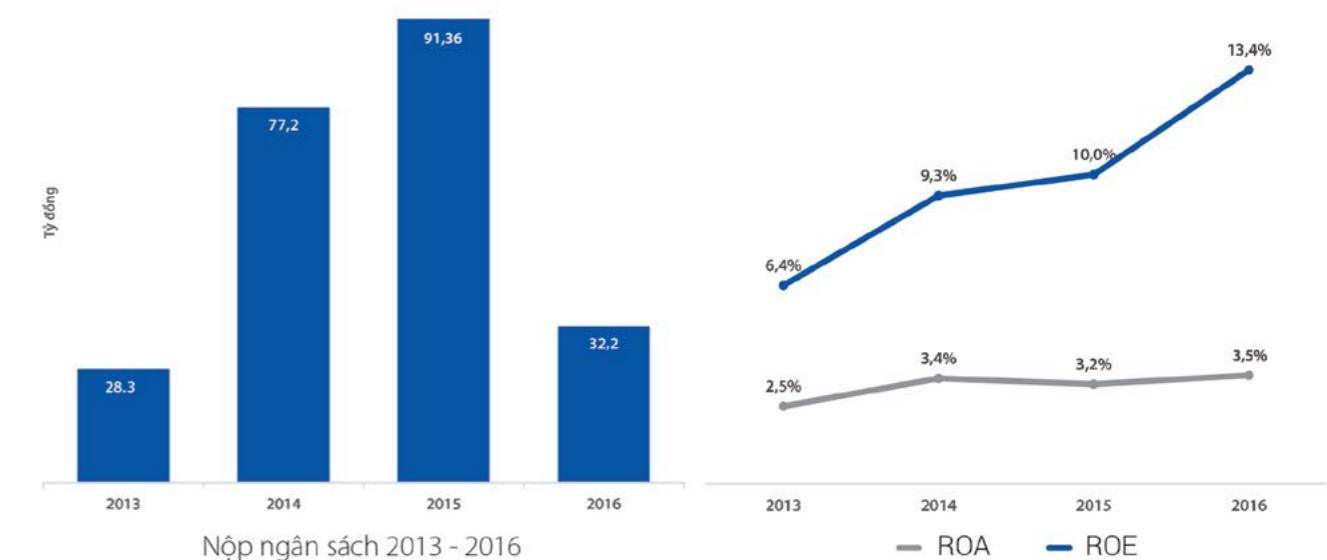
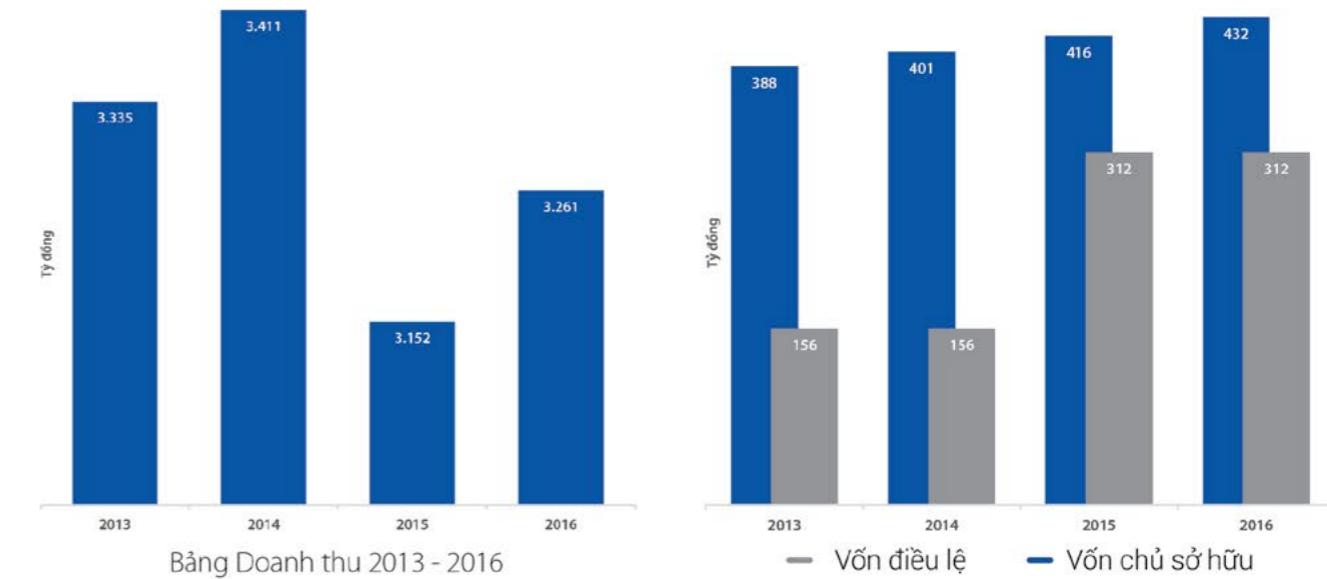


## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|                    |   |
|--------------------|---|
| Tên giao dịch      | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG</b> |
| Tên viết tắt       | <b>VICEMCOMATCE., JSC</b>                           |
| Đăng ký kinh doanh | <b>0100106352</b>                                   |
| Vốn điều lệ        | <b>311.998.250.000 đồng</b>                         |
| Địa chỉ            | <b>Số 21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội</b>             |
| Chủ tịch HĐQT      | <b>Ông Cái Hồng Thu</b>                             |
| Giám đốc           | <b>Ông Huỳnh Trung Hiếu</b>                         |
| Số điện thoại      | <b>(+84-4) 32321372</b>                             |
| Số fax             | <b>(+84-4) 38457186</b>                             |
| Website            | <b>www.vtvxm.vn</b>                                 |
| Mã cổ phiếu        | <b>VTX</b>  |

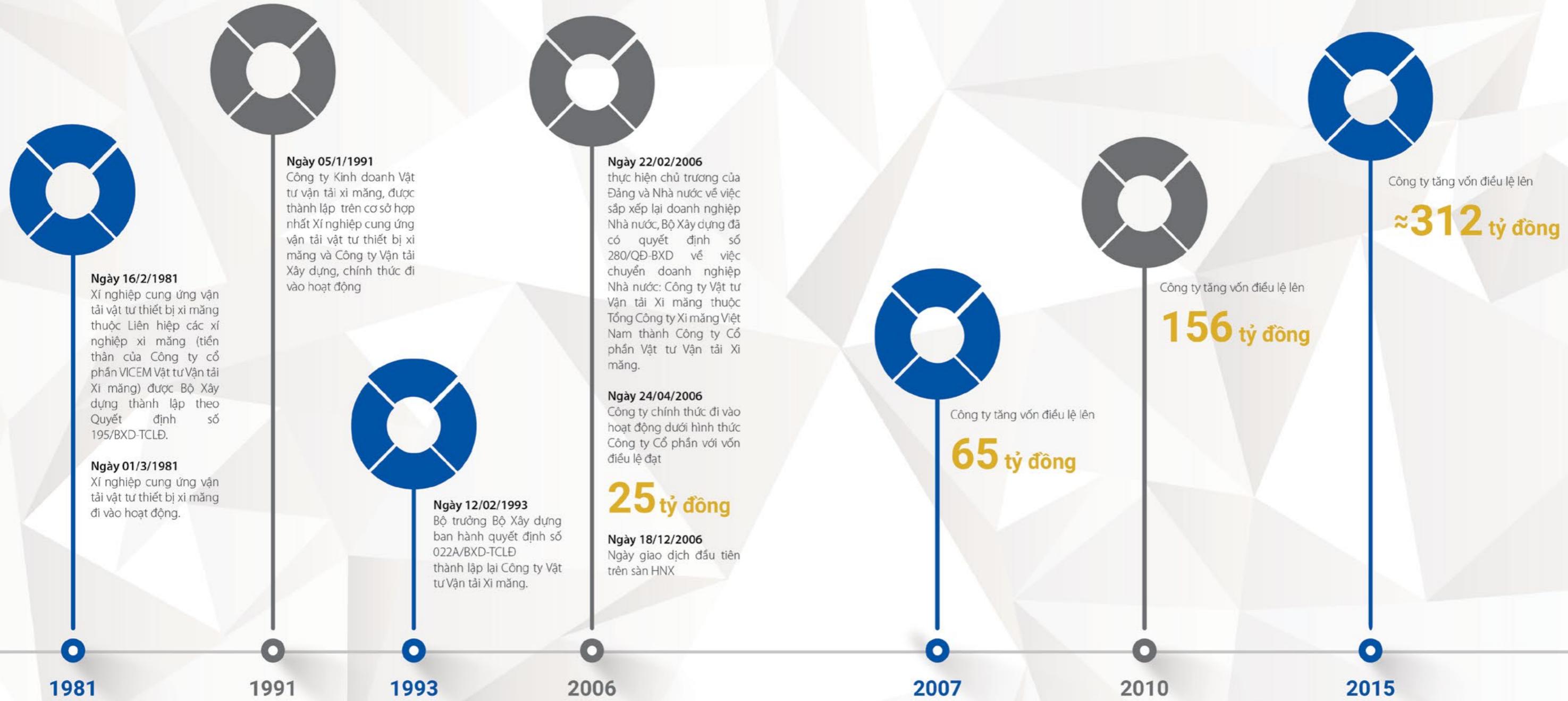


## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN



(\*) Nguồn: Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán.

# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

**Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ** năm 2005  
**Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ** năm 2006  
**Bằng khen của Bộ Xây dựng** trong các năm 2002, 2004, 2009

**Huân chương Lao động hạng 3** năm 2009  
**Tập thể Lao động xuất sắc của Bộ Xây dựng** năm 2009

**Bằng khen Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam** năm 2010  
**Bằng khen về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Tổng cục thuế** năm 2012, 2013

**Cờ thi đua của Bộ Xây dựng** trong các năm 2005, 2010, 2012, 2014  
**TOP 30 doanh nghiệp minh bạch trên sàn chứng khoán HNX** năm 2013-2014

**Huân chương Lao động hạng 2** năm 2014  
**TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất và phát triển nhanh nhất Việt Nam** do Viet-Nam Report bình chọn năm 2014, 2015

**Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam** giai đoạn 2005 – 2010; giai đoạn 2010 – 2015 và các năm 2009, 2013, 2016  
**TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)** năm 2016



# ● NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Tiêu thụ clinker, xi măng thông qua xuất khẩu.
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là các nước Đông Nam Á, Nam Á.

## KINH DOANH SẢN PHẨM CỦA CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT XI MĂNG (XI MĂNG, CLINKER)



## VẬT TƯ CHO SẢN SUẤT XI MĂNG (THAN, PHỤ GIA)

- Than, phụ gia cung cấp cho các công ty sản xuất xi măng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo chất lượng vật tư cung cấp đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
- Địa bàn kinh doanh: Các công ty sản xuất xi măng trong VICEM như Xi măng Ha Long (Quảng Ninh), Xi măng Hải Phòng (Hải phòng), Xi măng Hoàng Thạch (Hải Dương), Xi măng Bút Sơn (Hà Nam), Xi măng Tam Điệp (Ninh Bình), Xi măng Bỉm Sơn (Thanh Hoá) Xi măng Hoàng Mai (Nghệ An) Xi măng Hải Vân (Đà Nẵng), Xi măng Hà Tiên (TP.Hồ Chí Minh), Kiên Lương, Bình Phước).

Đầu tư xây dựng các dự án nhà ở để bán, văn phòng và trung tâm thương mại cho thuê tại các vị trí mà Công ty đang quản lý và sử dụng đất như Hà Nội, Quảng Ninh, Ninh Bình...

## BẤT ĐỘNG SẢN

# ● ĐỊA BÀN KINH DOANH

## PHÚ THỌ

Khu 1, Thị Trấn Hùng Sơn, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ.

## HÀ NAM

La Mát, Thị Trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam.

## NINH BÌNH

Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, Thành Phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

## NGHỆ AN

Khối Tân Sơn, Phường Quỳnh Thiện, Thị Xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.

## THÀNH HÓA

61, Đường Nguyễn Huệ, Phường Ngọc Trao, Thị Xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

## HÀ TIỀN

Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

## HÀ NỘI

Trụ sở chính: 21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

## QUẢNG NINH

Tổ 5, Khu 12, Phố Hải Phúc, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.  
Đoàn Vận Tải: Số Nhà 24, Phố Chợ Cũ, Phường Hồng Gai, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

## HẢI DƯƠNG

Thị Trấn Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

## HẢI PHÒNG

16, Phố Thắng Lợi, Thị Trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

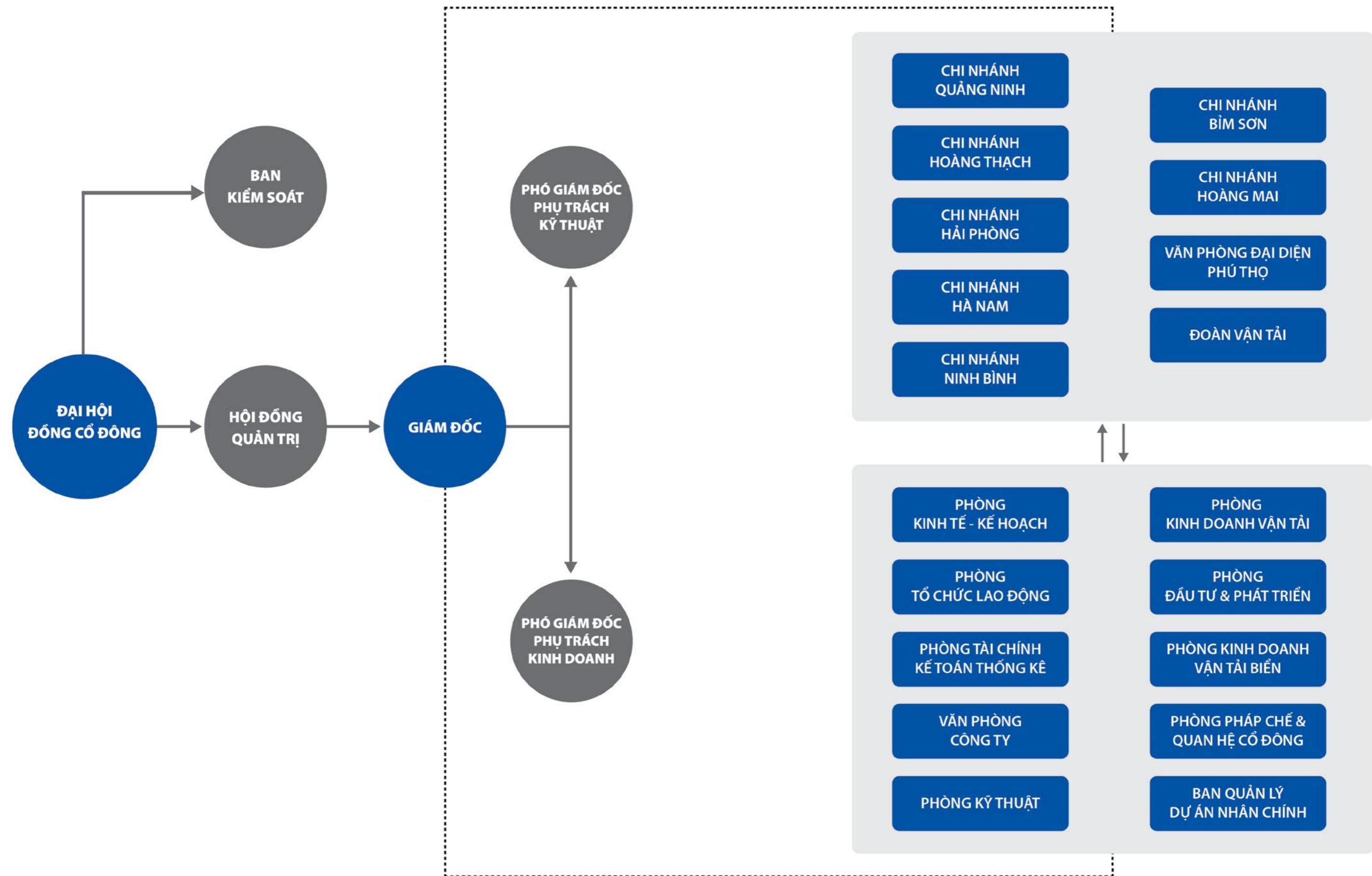
## ĐÀ NẴNG

65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

## TP HỒ CHÍ MINH

360 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# CƠ CẤU CÔNG TY



# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ông  
**Cái Hồng Thu**  
Chủ tịch HDQT



Năm sinh: 1959

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thường trú: Phường 10, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá.

Quá trình công tác:

- 05/1982 - 10/2013: Cán bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1, Hà Tiên 2 (nay là Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên).
- 11/2013 - đến nay: Phó tổng giám đốc - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM)
- 04/2014 - đến nay: Phó tổng giám đốc VICEM, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (VICEM Comatce).

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần.
- Đại diện phần vốn nhà nước tại VICEM Comatce: 9.360.000 cổ phần.

Ông  
**Huỳnh Trung Hiếu**  
Ủy viên HDQT



Năm sinh: 1974

Thường trú: Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 07/1995 - 02/2004: Cán bộ phòng Kế toán Thống kê Tài Chính - Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.
- 03/2004 - 04/2006: Cán bộ phòng Quản lý vốn - Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
- 05/2006 - 04/2011: Trưởng phòng Kế toán thống kê tài chính, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng.
- 04/2011 - 06/2014: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin VICEM Comatce.
- 07/2014 - 10/2015: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin VICEM Comatce.
- 01/11/2015 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc VICEM Comatce.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 161.600 cổ phần.
- Đại diện phần vốn nhà nước: 5.601.721 cổ phần.

Ông  
**Nguyễn Xuân Tùng**  
Ủy viên HDQT



Năm sinh: 1957

Thường trú: Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng

Quá trình công tác:

- 11/1979 - 07/1984: Bộ đội.
- 08/1984 - 12/2005: Cán bộ các đơn vị - Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.
- 12/2005 - 04/2006: Phó Giám đốc Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.
- 04/2006 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc VICEM Comatce.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 18.436 cổ phần.
- Đại diện phần vốn nhà nước: 1.560.000 cổ phần.

Ông  
**Lê Sỹ Thắng**  
Ủy viên HDQT



Năm sinh: 1963

Thường trú: Tổ 80 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vật tư - Đại học Kinh tế quốc dân

Quá trình công tác:

- 12/1987- 02/2006: Cán bộ các đơn vị trực thuộc Công ty Vật tư Vận tải Xi măng;
- 03/2006 đến 07/2016: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch VICEM Comatce;
- 08/2016 – đến nay: Trợ lý Giám đốc VICEM Comatce.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần.
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

Ông  
**Trịnh Quang Hải**  
Ủy viên HDQT



Năm sinh: 1968

Thường trú: Phường Trung Sơn - Thị xã Tam Điệp - Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh - Đại học Thương mại.

Quá trình công tác: Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn, Thành viên Hội đồng quản trị VICEM Comatce.

Lợi ích liên quan với VICEM Comatce: Ký hợp đồng vận chuyển, bốc xếp than; hợp đồng mua, bán clinker với Công ty. Tổng giá trị thực hiện hợp đồng là: 90.934.887.458 đồng, chiếm 5,52% Tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính năm 2016.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần.
- Đại diện phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

## BAN GIÁM ĐỐC

Ông  
**Huỳnh Trung Hiếu**

Giám đốc



Sinh năm: 1974

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Thời gian làm việc tại Công ty: 1995 – đến nay

Ông Hiếu chính thức trở thành Giám đốc VICEM Comatce từ ngày 01/11/2015. Với kinh nghiệm 19 năm làm việc tại Công ty, ông Hiếu có kiến thức sâu sắc về điểm mạnh-yếu và có định hướng dài hạn để phát triển Công ty lớn mạnh. Trong giai đoạn 2013-2015, ông Hiếu nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Xây dựng và của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho những đóng góp của mình trong Công ty nói riêng và trong ngành nói chung.

Ông  
**Nguyễn Xuân Tùng**

Phó Giám đốc



Sinh năm: 1957

Trình độ: Kỹ sư máy Xây dựng

Thời gian làm việc tại Công ty: 1984 - nay

Ông Tùng là người có nhiều kinh nghiệm trong mảng sản xuất, từng giữ vị trí Phó trưởng phòng Kinh doanh Xi măng và Trưởng phòng Kế hoạch trước khi giữ vị trí Phó giám đốc VICEM Comatce từ tháng 12/2005. Ông Tùng cũng từng nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2011), của Bộ Xây dựng (năm 2014) và của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (năm 2015).

Ông  
**Mai Thống Nhất**

Phó Giám Đốc



Sinh năm: 1956

Trình độ: Kỹ sư Chế tạo Ô tô

Thời gian làm việc tại Công ty: 1981 - 2016

Ông Nhất là nhà quản lý thành công trong nhiều mảng kinh doanh. Ông Nhất tốt nghiệp kỹ sư chế tạo ô tô tại Tiệp Khắc và có hơn 35 năm làm việc tại VICEM Comatce. Ông Nhất giữ vị trí Phó giám đốc Công ty giai đoạn 05/2007 - 07/2016 trước khi nghỉ hưu theo chế độ.

# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

## BAN KIỂM SOÁT

Ông  
**Tạ Hữu Hiển**

Trưởng BKS



Sinh năm: 1988

Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán.

Thời gian làm việc tại Công ty: 2016.

Ông Hiển là Cử nhân Tài chính Kế toán và bắt đầu công tác tại Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam từ năm 2010. Với uy tín qua các nhiệm vụ được giao, ông Hiển được tín nhiệm bầu vào vị trí Trưởng Ban kiểm soát VICEM Comatce.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0
- Đại diện vốn nhà nước: 0

Bà  
**Nguyễn Thị Thu Hà**

Thành viên BKS



Sinh năm: 1970

Trình độ: Cử nhân Kế toán.

Thời gian làm việc tại Công ty: 2016 - nay.

Bà Hà tốt nghiệp Cử nhân Kế toán và có kinh nghiệm 24 năm trong nghề. Bà Hà hiện giữ chức vụ Phó phòng Pháp chế và Quan hệ Cổ đông tại Công ty.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0
- Đại diện vốn nhà nước: 0

Bà  
**Trịnh Bích Liên**

Thành viên BKS



Sinh năm: 1967

Trình độ: Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản.

Thời gian làm việc tại Công ty: 1991 - nay.

Bà Liên có 27 năm kinh nghiệm trong nghề và 26 năm làm việc tại Công ty. Là người quản lý giỏi, bà Liên nắm vững những tiêu chuẩn cần thiết để thực hiện việc giám sát, thẩm định hồ sơ và dự án.

Số cổ phần nắm giữ:

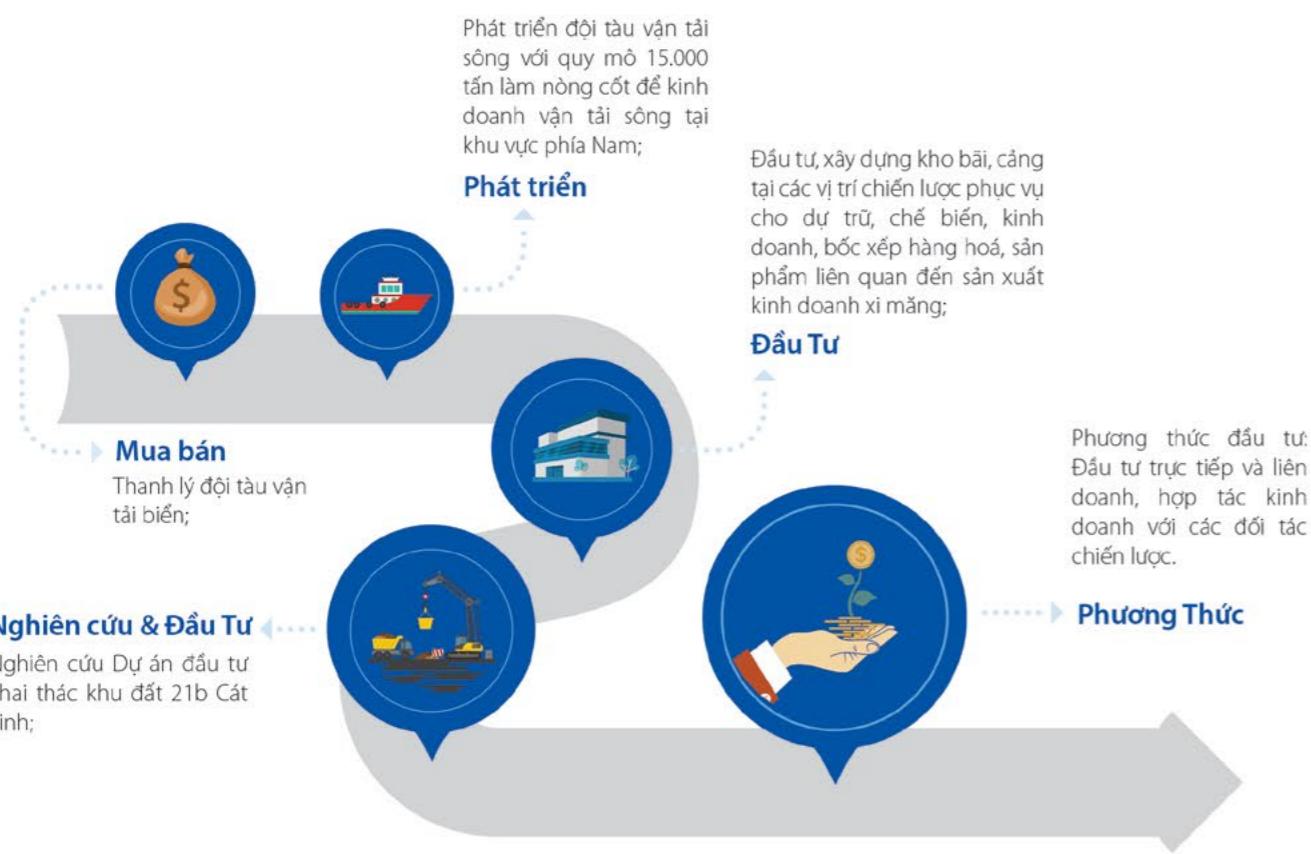
- Cá nhân: 0
- Đại diện vốn nhà nước: 0

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2016 - 2020

## MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Kinh doanh than:** Giữ vững 70% thị phần kinh doanh tại các công ty xi măng thuộc VICEM; từng bước tiếp cận, mở rộng thị trường kinh doanh tại các công ty xi măng ngoài VICEM;
- Kinh doanh phụ gia:** Năm 2017 triển khai xong các thủ tục kinh doanh xi lò cao (trong nước và nhập khẩu) để cung cấp 30% nhu cầu phụ gia xi măng của các công ty xi măng thuộc VICEM. Từng bước nâng cao thị phần đến 70% vào năm 2020.
- Kinh doanh xuất khẩu xi măng, clinker:** Tiếp cận các thị trường nước ngoài để từng bước tiêu thụ, phấn đấu đến năm 2020 xuất khẩu 500.000 tấn xi măng, clinker.
- Kinh doanh vận tải sông:** Trên cơ sở đội tàu vận tải sông của Công ty làm nòng cốt (khoảng 15.000 tấn), khai thác thêm phương tiện của xã hội để kinh doanh vận tải sông ở khu vực phía Nam. Phấn đấu doanh thu đạt 30 tỷ đồng vào năm 2020.
- Kinh doanh bất động sản:** Khai thác kinh doanh 100% công suất tòa nhà Comatce Tower tại Nhân Chính (Thanh Xuân – Hà Nội).

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

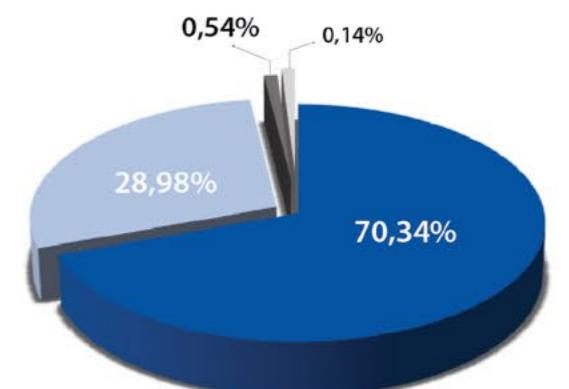


## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng được niêm yết trên sàn giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch VTV và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

### CỔ PHIẾU

Đến ngày 31/12/2016, vốn điều lệ của VICEM Comatce là 311.998.250.000 đồng, được chia thành 31.199.825 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Từ năm 2007 tới nay, Công ty phát hành 5 đợt cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 311.99825 tỷ đồng.

| TT  | Loại cổ đông   | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ (%)     |
|-----|--|-------------------|---------------|
| A.  | <b>Cổ đông trong nước</b>  | <b>30.986.228</b> | <b>99,315</b> |
| I   | <b>Cổ đông tổ chức</b>   | <b>21.944.809</b> | <b>70,336</b> |
| 1   | <b>Cổ đông nhà nước</b>  | <b>19.641.721</b> | <b>62,954</b> |
|     | <b>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, do các ông bà có tên sau đại diện:</b> |                   |               |
|     | - Cái Hồng Thu   | 9.360.000         | 30,000        |
|     | - Huỳnh Trung Hiếu   | 5.601.721         | 17,954        |
|     | - Tạ Hữu Hiển  | 3.120.000         | 10,000        |
|     | - Nguyễn Xuân Tùng   | 1.560.000         | 5,000         |
| 2   | <b>Các tổ chức khác</b>  | <b>2.232.683</b>  | <b>7,156</b>  |
| 2.1 | Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội  | 1.446.286         | 4,636         |
| 2.2 | Công ty TNHH Long Sơn  | 643.197           | 2,061         |
| 2.3 | Công ty TNHH Tiến Hưng   | 104.000           | 0,333         |
| 2.4 | QUỸ ETF SSIAM HNX30  | 39.200            | 0,126         |
| 2.5 | Cổ đông tổ chức còn lại  | 70.405            | 0,226         |
| II  | <b>Cổ đông cá nhân</b>   | <b>9.041.419</b>  | <b>28,979</b> |
| B.  | <b>Cổ đông nước ngoài</b>  | <b>213.597</b>    | <b>0,685</b>  |
| I   | <b>Cổ đông tổ chức</b>   | <b>168.100</b>    | <b>0,539</b>  |
| II  | <b>Cổ đông cá nhân</b>   | <b>45.497</b>     | <b>0,146</b>  |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>31.199.825</b> | <b>100</b>    |

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Kết quả kinh doanh than

Kết quả kinh doanh vận tải sông - biển

Kinh doanh bất động sản



Hình 1. Giao diện bàn làm việc quản lý văn bản – văn thư lưu trữ

Giao diện giao diện bàn làm việc bao gồm hai phần chính.

Phần thứ nhất bao gồm 3 khung là khung văn bản đến, khung văn bản đi và khung thống kê số lượng văn bản. Mỗi khung thể hiện chi tiết về số lượng văn bản đang có của loại văn bản đó. Ví dụ như trong hình:

Phần thứ hai là các biểu đồ cột thống kê số lượng các văn bản theo các tiêu chí: tháng



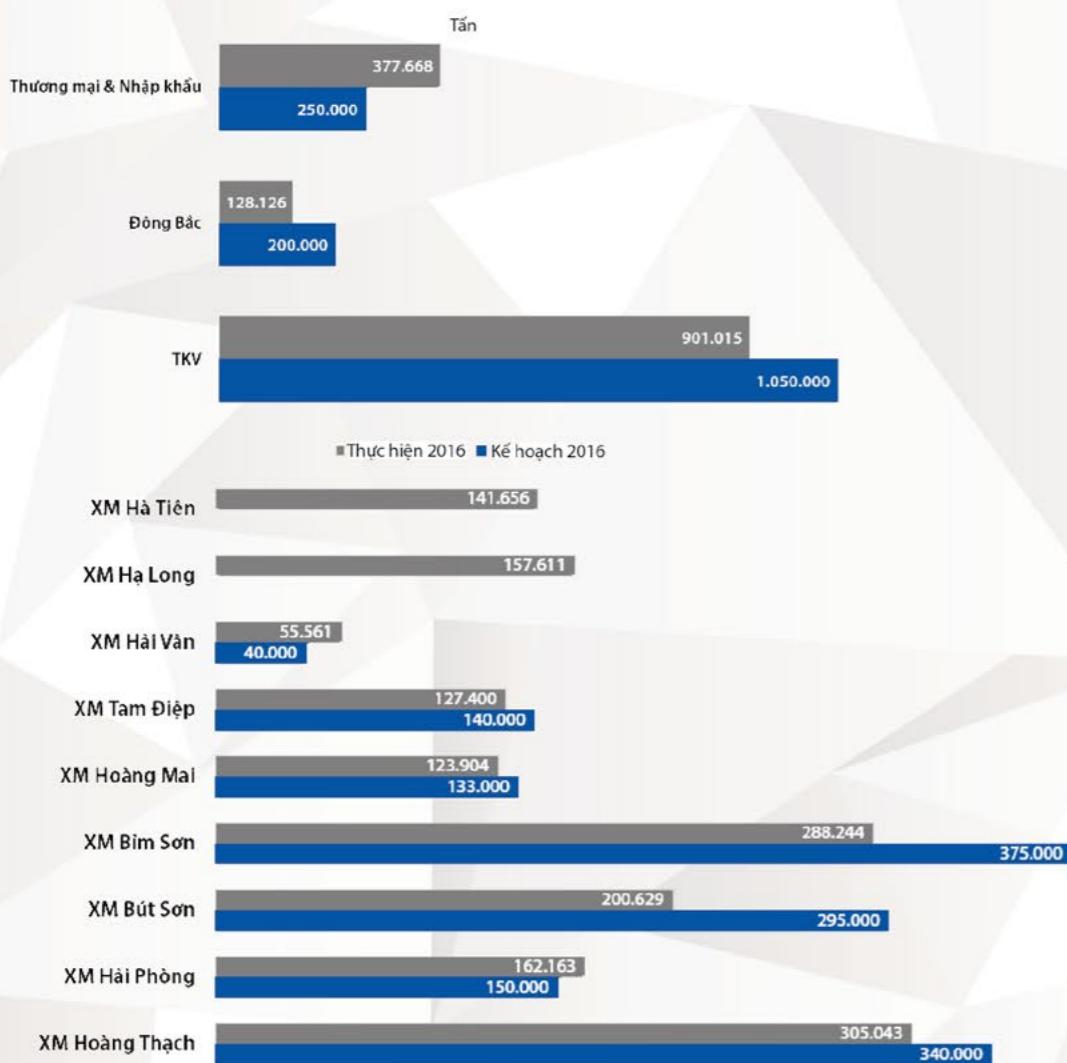
# Kết Quả Kinh Doanh Than

## ĐIỂM NHẤN 2016

- Đảm bảo an ninh năng lượng cho sản xuất xi măng của VICEM.
- Dự kiến tình hình biến động giá than trong nước tăng, VICEM Comatce chủ động thu xếp nguồn vốn và tăng mua dự trữ.
- Thực hiện chỉ đạo của VICEM về việc giảm giá thành trong sản xuất xi măng, Công ty đã có các biện pháp như tiết kiệm các chi phí bán hàng, chi phí quản lý; giảm giá vốn hàng bán trên cơ sở khai thác các nguồn than nhập khẩu, than thương mại có nguồn gốc TKV, Đông Bắc, các đơn vị kinh tế quốc phòng để chế biến. Do vậy đã giảm giá bán cho các công ty xi măng từ 30.000đ/tấn – 80.000đ/tấn.

## KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

Trong năm 2016, VICEM Comatce bán ra 1.562.279 tấn/Kế hoạch 1.473.000 tấn đạt 106 %, tăng 13% so với năm 2015.



# Kết Quả Kinh Doanh Vận Tải

## ĐIỂM NHẤN 2016

Hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải biển năm 2016 tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Giá cước vận tải biển cũng như giá thuê tàu biển định hạn giảm mạnh. Chỉ số giá cước vận chuyển hàng rời BDI có thời gian chỉ còn 290 điểm so với giai đoạn phát triển là 11.800 điểm. Nhiều công ty vận tải biển trên thế giới bị phá sản như Hanjin (Hàn Quốc), Daiichi (Nhật Bản)...

## KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

Sản lượng vận tải: Vận tải biển đạt 519.292 tấn/Kế hoạch 599.400 tấn đạt 87%, giảm 10% so với năm 2015; vận tải sông đạt 89.120 tấn/Kế hoạch 140.000 tấn đạt 64%, giảm 17% so với năm 2015;

Doanh thu vận tải: Vận tải biển đạt 46,911 tỷ đồng/Kế hoạch 58,444 tỷ đồng đạt 80%, giảm 33% so với năm 2015; vận tải sông đạt 3,358 tỷ đồng/Kế hoạch 6,599 tỷ đồng đạt 51%, giảm 18 % so với năm 2015.

### SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

- Vận Tải Biển (Tấn):

**519.292**



- Vận Tải Sông (Tấn):

**89.120**

### DOANH THU VẬN TẢI

- Vận Tải Biển (Tỷ Đồng):

**46,911**



- Vận Tải Sông (Tỷ Đồng):

**3,358**



# Kết Quả Kinh Doanh Bất Động Sản

## ĐIỂM NHẤN 2016

2016 là năm được đánh giá là có nhiều biến động trên tất cả các phân khúc ở thị trường bất động sản. Thị trường này chưa thực sự khởi sắc, nhất là đối với căn hộ có diện tích lớn, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác bán căn hộ tại dự án Comatce Tower.

Mặc dù vậy, tiến độ bán căn hộ vẫn được đảm bảo.

Công ty đã tìm kiếm và ký kết thêm hợp đồng với sàn bất động sản SAVILLS để tăng cường và mở rộng khả năng bán hàng.

## KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

- Đến hết năm 2016, dự án Comatce Tower đã hoàn thành phần thô và đang hoàn thiện nốt các hạng mục bên trong như: Thi công hệ thống điện, cấp thoát nước; cung cấp và lắp đặt máy phát điện dự phòng; cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, thông gió tầng hầm, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống mạng internet, điện thoại, truyền hình, camera; thi công vách kính, sàn gỗ, lắp đặt hệ thống thang máy... Dự kiến hết tháng 6/2017 Dự án hoàn thành công tác xây lắp.
- Ước giá trị thực hiện năm 2016 đạt 207,925 tỷ đồng/KH năm 283 tỷ đồng, đạt 73,47% KH. Giá trị giải ngân thực hiện năm 2016 là 125,169 tỷ đồng/KH năm 215 tỷ đồng, đạt 58,21%.
- Tổng số căn hộ đã ký hợp đồng bán cho khách hàng đạt 50,53% diện tích sàn căn hộ.





## Hoạt Động Hỗ Trợ Kinh Doanh

Công nghệ thông tin

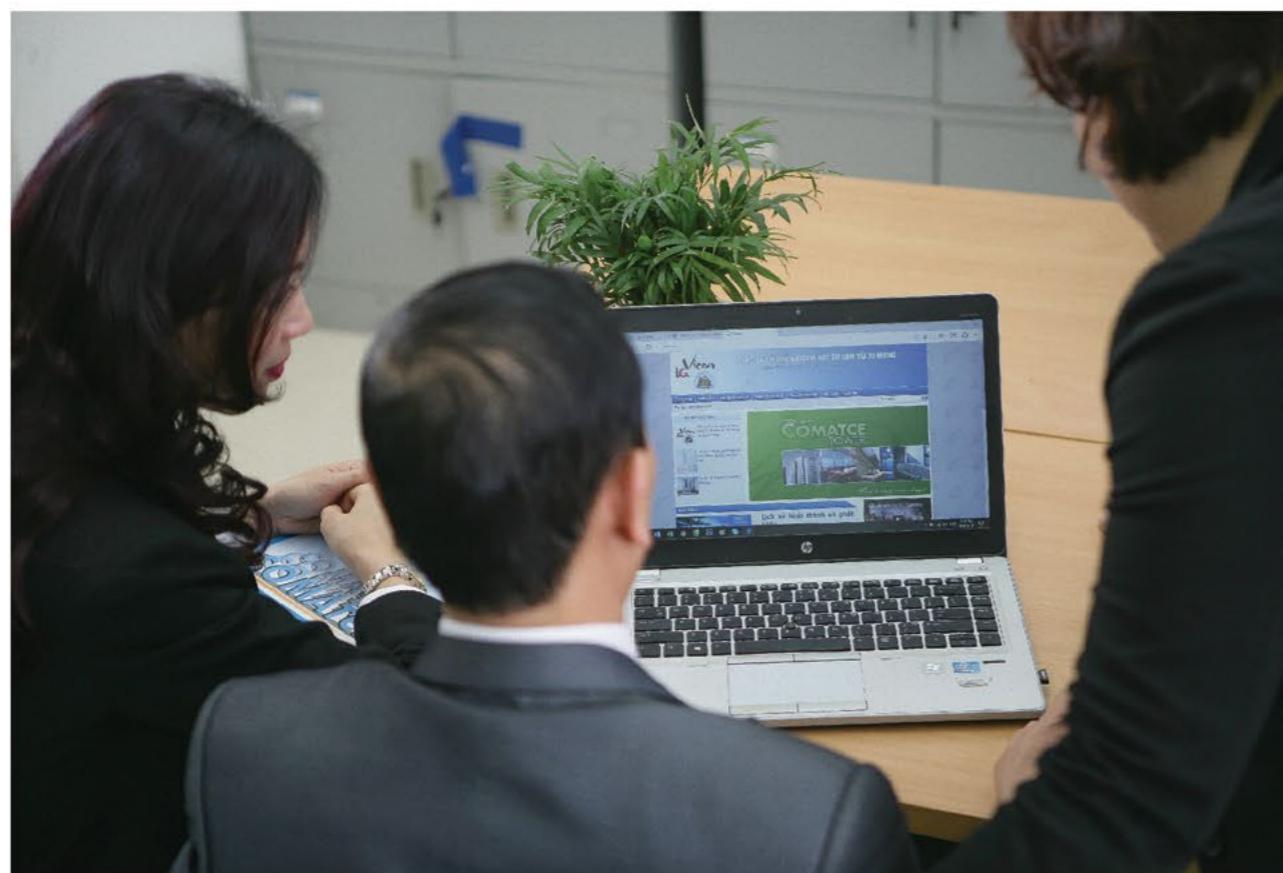
Quản trị rủi ro

# Công Nghệ Thông Tin

## HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ

Với định hướng ưu tiên phát triển công nghệ thông tin, Công ty đã triển khai 2 hệ thống server riêng biệt, trong đó 1 server phục vụ hệ thống kế toán tài chính thống kê, 1 server thuê ngoài để phục vụ hệ thống phần mềm quản lý Văn bản và quản lý Hàng hóa. Ngoài ra, nhằm gia tăng sự kết nối, đảm bảo thuận lợi cho công việc, tất cả các đơn vị và phòng ban đều được trang bị máy tính bàn thế hệ mới và hệ thống mạng cáp quang tốc độ cao.

Mặc dù hệ thống công nghệ thông tin đã được Ban lãnh đạo chú trọng phát triển, hạ tầng công nghệ của Công ty vẫn cần được hoàn thiện và nâng cấp không ngừng.



Trong năm 2017, Công ty đã xác định một số công việc trọng tâm để phát triển hạ tầng công nghệ như sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng, quy hoạch, sửa chữa lại một số cơ sở vật chất sẵn có, tiếp tục bảo trì, sửa chữa các thiết bị tài sản có khả năng hoạt động ổn định. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất như máy chủ, thiết bị mạng, máy vi tính ....
- Triển khai phủ sóng wifi tại toàn bộ các phòng ban;
- Trang bị camera cho phòng bảo vệ;
- Trang bị máy quét vân tay nhằm đảm bảo cho việc chấm công của bộ phận nhân sự.



## PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

Song song với việc triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ, Công ty đã và đang triển khai nhiều ứng dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh như các hệ thống: Phần mềm Kế toán, Phần mềm quản lý Hàng hóa, Phần mềm quản lý Văn bản và đang triển khai Phần mềm quản lý Nhân sự. Hiện nay, các ứng dụng hỗ trợ sản xuất và kinh doanh đều hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả nhất định cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty, trong đó:

- **Phần mềm Kế toán:** Theo dõi, thu thập và thống kê được dữ liệu của Phòng kế toán và các chi nhánh. Tuy nhiên phần mềm chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị ngày càng cao của Lãnh đạo Công ty cũng như các phòng ban chức năng.
- **Phần mềm quản lý Hàng hóa:** Theo dõi được chi tiết về vận tải thủy, vận tải bộ. Cập nhật được các số liệu tức thì. Xuất báo cáo theo mẫu về vận tải và tiền tệ phục vụ cho từng phòng ban.
- **Phần mềm quản lý Văn bản:** Luôn chuyển văn bản trong nội bộ công ty bao gồm các loại văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ, văn bản giao việc cho từng phòng hoặc từng cá nhân, quản lý các đầu việc của Giám đốc giao cho các phòng ban, chi nhánh.
- **Phần mềm quản lý Nhân sự:** Hiện nay phần mềm quản lý nhân sự đang được thiết lập và hoàn thiện.

Dựa vào những nền tảng ứng dụng đã và đang có, trong năm 2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai nâng cấp các hệ thống ứng dụng, nâng cao trình độ năng lực công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng được yêu cầu quản trị trong thời đại mới. Cụ thể:

- Nâng cao phương án bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin mạng. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phá hoại của các cá nhân và tổ chức phi pháp.
- Nâng cao trình độ năng lực công nghệ thông tin cho kỹ sư chuyên trách và người dùng hệ thống trong các phòng ban, đơn vị.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự và đưa vào hoạt động.
- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của phần mềm quản lý văn bản và quản lý hàng hóa nhằm đáp ứng được yêu cầu trong quá trình quản lý.
- Cải tiến, nâng cấp website của Công ty và xây dựng website riêng cho Báo cáo thường niên 2017.
- Tuyển dụng nhân tài cho lĩnh vực công nghệ thông tin.

# Quản Trị Rủi Ro

## TÓM TẮT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

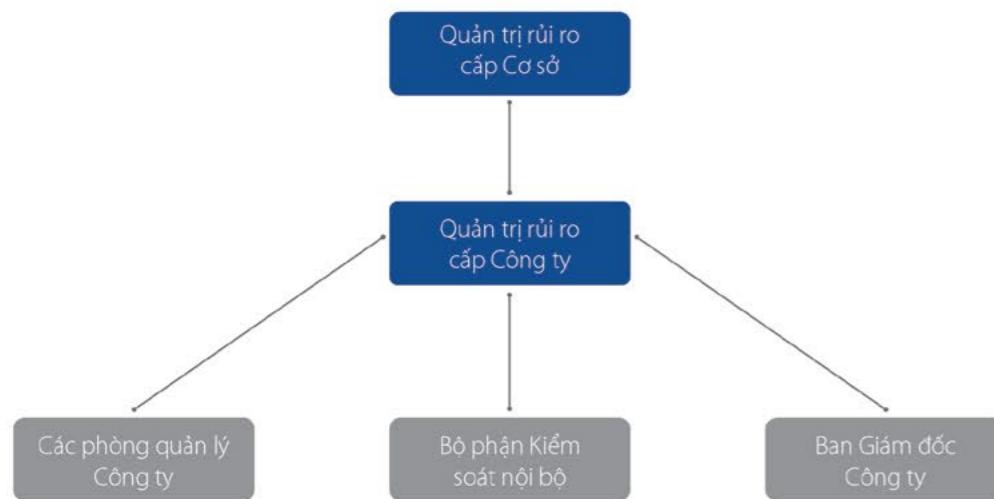
Đối với Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đều phải được nhận diện, đánh giá rủi ro trước khi ra quyết định trong quản lý, điều hành.

#### 1. Quản trị rủi ro cấp Cơ sở

Các phòng, ban, bộ phận kinh doanh, đầu tư phải phân tích các yếu tố có liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình, qua đó nhận diện, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro, cân nhắc các phương án kinh doanh trước khi đưa ra các quyết định tối ưu trong quyền hạn của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đề ra các biện pháp phòng ngừa và khắc phục rủi ro (nếu có).

#### 2. Quản trị rủi ro cấp Công ty

- Các phòng quản lý Công ty (Kế toán thống kê tài chính, Kinh tế Kế hoạch, Pháp chế & Quan hệ cổ đông, Kỹ thuật) thẩm định các phương án kinh doanh, đề xuất của các phòng kinh doanh, tham mưu, đề xuất với Giám đốc/ Phó giám đốc phụ trách để ra các quyết định phù hợp.
- Ban giám đốc Công ty là cấp cuối cùng ra quyết định đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền mà có ảnh hưởng lớn đến hoạt động bền vững và hiệu quả của Công ty.
- Bộ phận kiểm soát nội bộ Công ty định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình của các đơn vị trực thuộc Công ty.



### NỘI DUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

#### 1. Quản trị rủi ro liên quan đến Phát triển bền vững Công ty

Phân tích đánh giá môi trường kinh doanh bên ngoài, bên trong Công ty có ảnh hưởng tới chiến lược phát triển của Công ty như: Chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cầu nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, sự cạnh tranh của các đối thủ; các quy định trong quản trị Công ty; quản lý dòng tiền trong quyết định các dự án đầu tư phát triển... để từ đó nhận diện các thách thức, nguy cơ dẫn đến rủi ro cho Công ty cũng như sự cần thiết phải xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ngắn, trung và dài hạn.

#### 2. Quản trị rủi ro các phương án Kinh doanh

Phân tích đánh giá tình hình biến động của các yếu tố đầu vào, đầu ra như: Biến động của giá cả, tỷ giá ngoại tệ; nhu cầu của thị trường; ảnh hưởng của thời tiết; chính sách bán hàng của nhà cung cấp; sự hoạt động ổn định của máy móc thiết bị... để xác định rủi ro và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

#### 3. Tạo môi trường cho công tác Quản trị rủi ro

Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm nội bộ (quy chế, quy định, quy trình...) đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty làm cơ sở kiểm soát tính tuân thủ, đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của từng khâu hoạt động. Công ty đã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ năm 2011.

#### 4. Nâng cấp Hệ thống Thông tin, Truyền thông - Xây dựng phần mềm Quản trị Công ty

Xây dựng phần mềm quản trị Công ty: Năm 2016 Công ty đã xây dựng và triển khai phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý hàng hóa, phần mềm quản lý nhân sự nhằm tăng cường tính minh bạch, hệ thống, kịp thời nắm bắt thông tin và xử lý trong công tác điều hành, tăng cường kiểm soát hàng hóa, phương tiện, thể hiện rõ trách nhiệm của mỗi khâu trong quá trình hoạt động cũng như giảm bớt sự chồng chéo trong công tác báo cáo thống kê.

#### 5. Hoạt động của bộ phận Kiểm soát Nội bộ

Là một trong 3 chức năng của phòng Pháp chế & Quan hệ cổ đông, năm 2016 công tác kiểm soát nội bộ thực sự đi vào hoạt động. Các công tác kiểm soát nội bộ đã thực hiện:

- Kiểm soát sự tuân thủ pháp luật, sự phù hợp và tính thống nhất của các văn bản quy phạm nội bộ trong Công ty;
- Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh than của Công ty;
- Kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của Báo cáo tài chính trước khi trình lãnh đạo Công ty phê duyệt.

Công tác kiểm soát đã phát hiện ra những vấn đề bất cập, cần cải tiến trong hoạt động chuyên môn, kiến nghị giải quyết tồn tại, sự cần thiết chỉnh sửa một số văn bản quy phạm nội bộ hoặc thủ tục hồ sơ để đảm bảo tính pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

# QUẢN TRỊ RỦI RO



## RỦI RO THỜI TIẾT

- Kinh doanh than cám chịu ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết. Vào mùa mưa, gió, bão, nguồn hàng khan hiếm, vận chuyển khó khăn, gây thất thoát hàng hoá. Độ ẩm than cao quá 14% cũng gây khó khăn cho sản xuất xi măng, đòi hỏi Công ty phải có các phương án lưu kho bãi, bảo quản hàng hợp lý để ổn định tiến độ cung cấp.
- Hoạt động vận tải sông, biển cũng là ngành nghề tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cao đến từ thời tiết như: Giông lốc, bão lớn, gió xoáy, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, v.v.
- Thời tiết xấu cũng làm ảnh hưởng đến thời gian bốc dỡ hàng hóa và hành trình tàu, dẫn đến việc phát sinh thêm nhiều chi phí như ngày tàu, nhiên liệu, cảng phí.

## RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### VỀ THỊ TRƯỜNG KHAI THÁC-KINH DOANH THAN

Công ty có sự ổn định tương đối theo định hướng của Nhà nước, tuy vậy vẫn chịu sự chi phối của thị trường. Môi trường kinh tế trong và ngoài nước tiềm ẩn nhiều rủi ro như lạm phát, suy thoái, tốc độ tăng

trưởng kinh tế thấp... tác động đến thị trường tiêu thụ, xuất khẩu xi măng cũng như việc khai thác than cung cấp cho các công ty xi măng. Cảnh tranh không lành mạnh, hạn chế hoặc độc quyền trong khai thác kinh doanh than, phân khúc thị trường không đồng đều cũng là rủi ro mà chính nội bộ ngành mang lại. Một rủi ro khác về giá, đó là những biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu, cước vận tải và biến động tỷ giá hối đoái.

### VỀ LĨNH VỰC VẬN TẢI SÔNG

Phương tiện đường thủy nội địa phát triển nhiều về số lượng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về mặt chất lượng dẫn đến tình trạng vừa thừa vừa thiếu so với nhu cầu vận chuyển của Công ty như:

- Trọng tải lớn so với yêu cầu của các nhà máy và cảng vụ đường thủy nội địa;
- Độ chính xác của đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thấp, chênh lệch giữa giám định mớn nước và cân lớn so với các chỉ tiêu quản lý giao nhận hàng hóa, đặc biệt là đối với than nhập khẩu.

### VỀ LĨNH VỰC VẬN TẢI BIỂN

Nguồn hàng khan hiếm, giá cước thấp ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu khai thác tàu, trong khi đó

yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ môi trường hàng hải đòi hỏi ngày càng cao. Những yếu tố này đều làm giảm doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH:

Lãi suất ngày càng có xu hướng tăng làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn. Khách hàng chiếm dụng vốn, không thanh toán đúng cam kết hợp đồng làm Công ty gặp khó khăn trong việc cân đối vốn.

### THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Đang gặp khó khăn trong hấp thụ sản phẩm Bất động sản, khả năng thanh khoản chưa cao cùng với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường này cũng là một trong những rủi ro được Công ty lưu ý và theo dõi sát sao.

### VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ:

Các cán bộ có kinh nghiệm, gắn bó với sự lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trong những năm qua hầu hết đã gần đến tuổi nghỉ hưu, tạo áp lực lớn cho đội ngũ lãnh đạo và Ban quản trị cấp cao nhiệm kỳ mới trong việc chứng tỏ năng lực, gây

dựng niềm tin cho các nhà đầu tư và khách hàng. Năm 2016, cùng với tư vấn OCD, Công ty đã xây dựng được khung năng lực, đánh giá cán bộ theo chuẩn năng lực, qua đó cho thấy năng lực của cán bộ còn thấp hơn so với chuẩn năng lực.

## RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý luôn luôn là nguy cơ tiềm tàng đối với doanh nghiệp, ảnh hưởng tới lợi ích cũng như không tăng cường được sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt và ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

## TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THANH

Rủi ro pháp lý đến từ những biến động của chính sách vĩ mô như thay đổi cơ chế, cơ cấu quản trị, chuyển đổi doanh nghiệp cổ phần,... Việc thiết lập các hệ thống, quy chế kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đầy đủ cũng làm hạn chế hiệu quả kinh doanh.

## VỀ LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY

Rủi ro phát sinh khi các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng trong hợp đồng, hoặc có chọn nhưng không nắm rõ nội dung các quy định của luật được chọn, dẫn đến việc hiểu, viễn dẫn các điều luật sai, không phù hợp khi giải quyết các phát sinh, hoặc rủi ro có thể đến từ các thông tin trên chứng từ không chuẩn xác (do người thực hiện chủ quan hoặc do các thiết bị cân đo chưa chuẩn xác, do thời tiết xấu...), chậm giao chứng từ, hoặc một bên sử dụng chứng từ giả để thanh toán...

Những thay đổi về mặt pháp lý như việc các cơ quan có thẩm quyền đưa ra các quy định và tiêu chuẩn, quy phạm nhằm thắt chặt hơn việc quản lý trong lĩnh vực vận tải biển khiến phát sinh thêm chi phí để có thể đáp ứng các quy định mới này. Ví dụ như Công ước lao động hàng hải MLC có hiệu lực đòi hỏi các chủ tàu phải trang bị đầy đủ các điều kiện sinh hoạt và làm việc của thuyền viên theo yêu cầu Công ước dẫn đến chi phí khai thác tăng thêm.

## VỀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Nếu các chính sách thay đổi liên tục thì sẽ dẫn tới việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Comatce Tower gặp nhiều khó khăn.

Công ty đã làm đầy đủ các thủ tục để được xin miễn tiền thuê đất theo quy định cũng như gia hạn tiền sử dụng đất nhưng Liên ngành không chấp thuận do nhu cầu đảm bảo Ngân sách thành phố. Bên cạnh đó, thời gian giải quyết các thủ tục công việc của Sở, Ban ngành còn chậm và chồng chéo, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

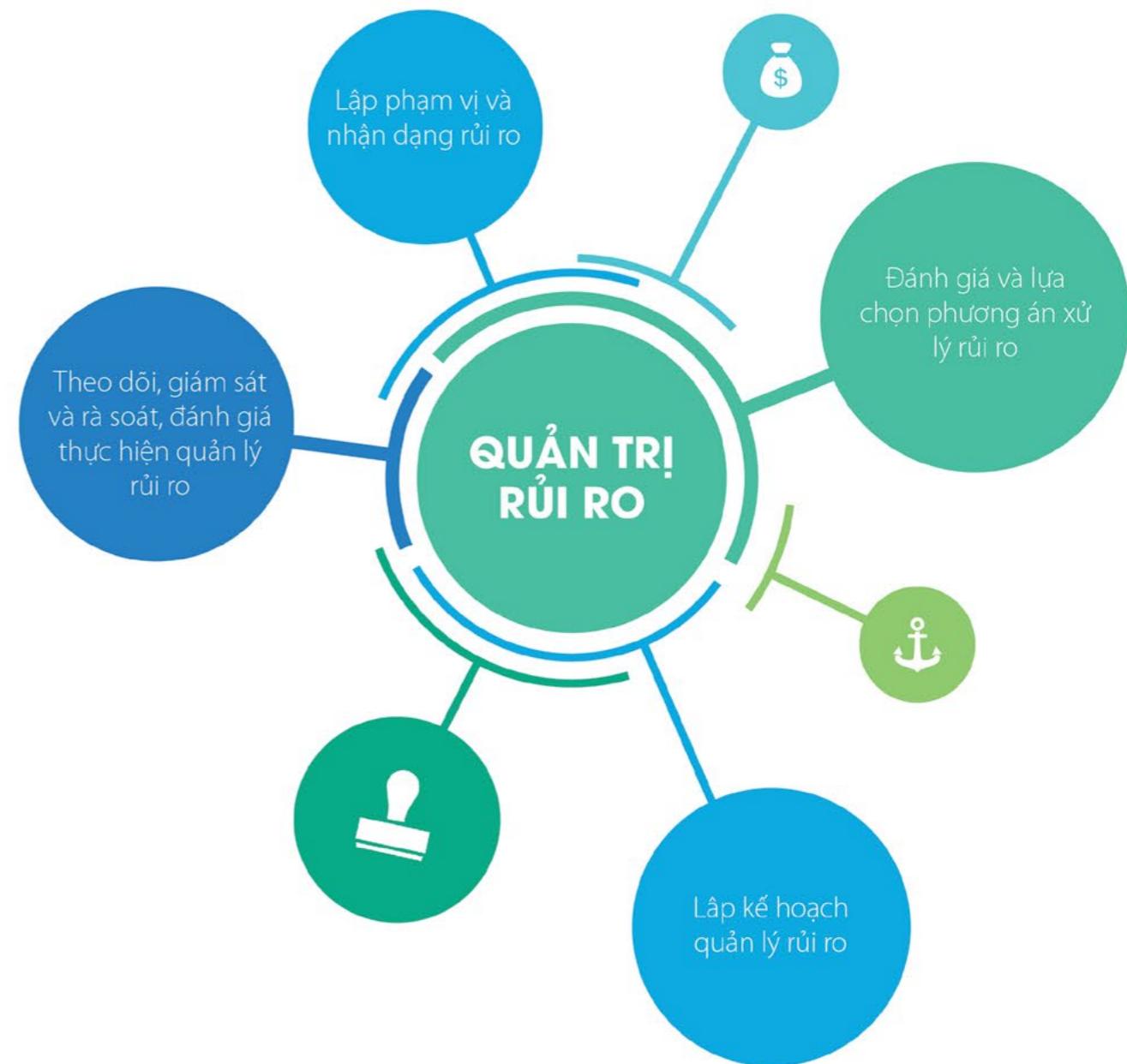
## CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Chưa thực sự hoàn thiện, chồng chéo cũng mang lại nhiều rủi ro và khó khăn cho công ty. Văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Nhiều văn bản còn quy định chung chung, thiếu rõ ràng, thậm chí chưa phù hợp với thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay nên khó áp dụng. Việc thay đổi chính sách đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng dẫn đến áp lực về tài chính, lợi nhuận của doanh nghiệp.



## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 2017

Trong năm 2017, hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty sẽ vận hành theo đúng quy trình đã được ban hành, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro bao gồm con người, quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh hiện có. Cụ thể, quy trình quản trị rủi ro bao gồm 4 bước sau:



## KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO LĨNH VỰC KINH DOANH THAN

### 1. Rủi ro thời tiết

- Cập nhật thường xuyên, liên tục dự báo biến đổi của thời tiết qua các kênh chính thống trong nước và quốc tế.
- Xây dựng kế hoạch mua, bán, huy động phương tiện theo thời điểm phù hợp với tình hình thời tiết.
- Có kế hoạch trang bị, dự phòng và bảo quản hàng hóa đầy đủ, đạt tiêu chuẩn.
- Khai thác nguồn hàng, nguồn vận tải đảm bảo đáp ứng nhu cầu về chất lượng, khối lượng phù hợp với từng thời điểm.
- Khi xảy ra rủi ro, kịp thời phối hợp với các ban, ngành lựa chọn giải pháp xử lý hợp lý.
- Theo dõi, tổng hợp và có kế hoạch phòng ngừa.

### 2. Rủi ro thị trường

- Nhận định và dự báo chính xác nhu cầu thị trường ngắn hạn.
- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp. Hạn chế các phương án có độ rủi ro cao. Dự báo mức biến động tỷ giá.
- Rà soát, cập nhật biến động nguồn cung và nhu cầu thị trường ngắn hạn, dài hạn.

### 3. Rủi ro pháp lý

- Xây dựng chính sách quản trị và bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp, hiệu quả.
- Cập nhật thường xuyên các chính sách, quy định, luật sửa đổi.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý, nhân viên pháp lý và các nhân viên làm công tác kinh doanh.
- Rà soát các quy trình quản lý sản xuất kinh doanh trong Công ty.



## KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO LĨNH VỰC VẬN TẢI SÔNG

- Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các phương án chủ động ứng phó với thiên tai; xử lý khi xảy ra thiên tai; lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu hoạt động và thông tin cứu nạn.
- Nâng cao sự hiểu biết về pháp luật trong doanh nghiệp: Đào tạo, huấn luyện các kiến thức cơ bản về an toàn giao thông đường thủy cũng như hiểu biết về những quy định của pháp luật về vận tải thủy nội địa.
- Lựa chọn các đối tác tin cậy, đủ năng lực vận tải. Yêu cầu các đơn vị tham gia vận tải đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật và an toàn đường thuỷ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình giao, nhận hàng hóa ở các chi nhánh và hành trình của phương tiện.



## KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO LĨNH VỰC VẬN TẢI BIỂN

- Bám sát tình hình thị trường để có kế hoạch và phương hướng điều chỉnh phương án kinh doanh phù hợp.
- Quản lý tốt kỹ thuật, vật tư, hành hải tàu biển và cung ứng, sửa chữa, đồng thời lựa chọn các thuyền viên có tay nghề tốt, có kinh nghiệm v.v.. nhằm giảm chi phí hoạt động tàu và quản lý tàu tốt hơn.

## KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG TỔ CHỨC LAO ĐỘNG

Công ty cần phải tập trung đào tạo huấn luyện, vừa thanh lọc vừa tuyển dụng mới, đồng thời có chính sách đãi ngộ phù hợp hơn về lương thưởng, cơ hội thăng tiến... để thu hút được lao động có trình độ, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lòng trung thành đối với cán bộ và người lao động.



## o Báo Cáo Quản Trị

Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo hoạt động của Ban Giám Đốc

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

Các giao dịch, thù lao, lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Và Ban Kiểm Soát

# Báo Cáo Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị

## HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, cơ chế hoạt động tập trung dân chủ.

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế của Công ty, năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và nhiều cuộc họp bất thường bàn những vấn đề quan trọng để tập trung chỉ đạo, ra các nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác.

| STT | Số Nghị Quyết/ Quyết Định | Ngày      | Nội dung  |
|-----|---------------------------|-----------|---|
| 1   | Số 132/BB-HĐQT            | 03/2/2016 | Thông qua phương án vay vốn tại ngân hàng TMCP Công Thương.   |
| 2   | Số 138/NQ-HĐQT            | 16/2/2016 | Thông qua các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.  |
| 3   | Nghị quyết của HĐQT       | 26/2/2016 | Phê duyệt điều chỉnh dự toán 09 gói thầu còn lại thuộc dự án ĐTXD tòa nhà Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng.                             |
| 4   | Số 280/NQ-HĐQT            | 28/3/2016 | Nghị quyết về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.   |
| 5   | Số 288/QĐ-VTVT            | 29/3/2016 | Về việc bổ nhiệm ông Phùng Thanh Hồng giữ chức vụ kế toán trưởng  |
| 6   | Số 603/NQ-HĐQT            | 07/6/2016 | Về việc quy hoạch cán bộ diện Tổng công ty quản lý giai đoạn 2016 – 2021.   |
| 7   | Số 609/QĐ-VTVT            | 8/6/2016  | Về việc ông Mai Thống Nhất nghỉ hưu trí.  |
| 8   | Số 613/NQ-HĐQT            | 15/6/2016 | Về việc chi trả cổ tức 2016 và một số mặt công tác khác.  |
| 9   | Số 641/NQ-HĐQT            | 24/6/2016 | Về việc đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc đối với ông Nguyễn Xuân Tùng.  |
| 10  | Số 775/NQ-HĐQT            | 19/7/2016 | Về việc Nhất trí chủ trương giao cho Giám đốc Công ty thực hiện một số công việc: xây dựng phương án kinh doanh tàu biển giai đoạn 2016-2018. |
| 11  | Số 931/NQ-HĐQT            | 25/8/2016 | Về việc Đồng ý chủ trương bán tàu COMATCE Star và COMATCE Sun.  |

| STT | Số Nghị Quyết/ Quyết Định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------------------|------------|---|
| 12  | Số 1062/BBHĐQT - VICEM    | 26/9/2016  | Về việc: Vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phục vụ SXKD.   |
| 13  | Số 243/QĐ-VTVT            | 7/11/2016  | Phê duyệt dự án đầu tư đóng mới 07 tàu tự hành.   |
| 14  | Số 1246/QĐ-VTVT           | 8/11/2016  | Về việc hồ sơ thiết kế BVTK và dự toán đầu tư đóng mới 07 tàu tự hành.  |
| 15  | Số 1292/QĐ-VTVT           | 15/11/2016 | Phê duyệt dự án bán tàu COMATCE Star và COMATCE Sun.  |
| 16  | Số 1322/QĐ-VTVT           | 23/11/2016 | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.  |
| 17  | Biên bản họp HĐQT         | 16/11/2016 | Chấp thuận nội dung phương án kinh doanh sản phẩm văn phòng và thay đổi một số chủng loại vật tư dự án tòa nhà COMATCE TOWER. |

(\*) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, bàn và biểu quyết thông qua các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.*  
*Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.*

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng của cấp trên.
- Các tổ chức, cá nhân, thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực.
- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các tổ chức và các đơn vị trong Công ty.
- Các chế độ, chính sách, tài chính, đều rõ ràng, minh bạch.

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, duy trì tốc độ tăng trưởng, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị Công ty tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Mở rộng thị trường, tăng thị phần cung ứng than, phụ gia cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác cho xã hội.
- Mở rộng các mặt hàng kinh doanh khác: xuất khẩu xi măng, clinker; kinh doanh xỉ lò cao và các thiết bị khác cho sản xuất xi măng và cho nhu cầu khác của xã hội.
- Đầu tư nâng cao năng lực vận chuyển đường sông; mở rộng thị trường kinh doanh vận tải đường sông khu vực phía Nam.
- Đầu tư thiết bị bơm hút xi măng rời phục vụ việc vận chuyển xi măng rời đi miền Trung.
- Hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng dự án xây dựng tòa nhà COMATCE TOWER.
- Quan tâm làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.



# Báo Cáo Hoạt Động Của Ban Giám Đốc

## HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tốt vai trò hậu cần cho sản xuất xi măng, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra.

## VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

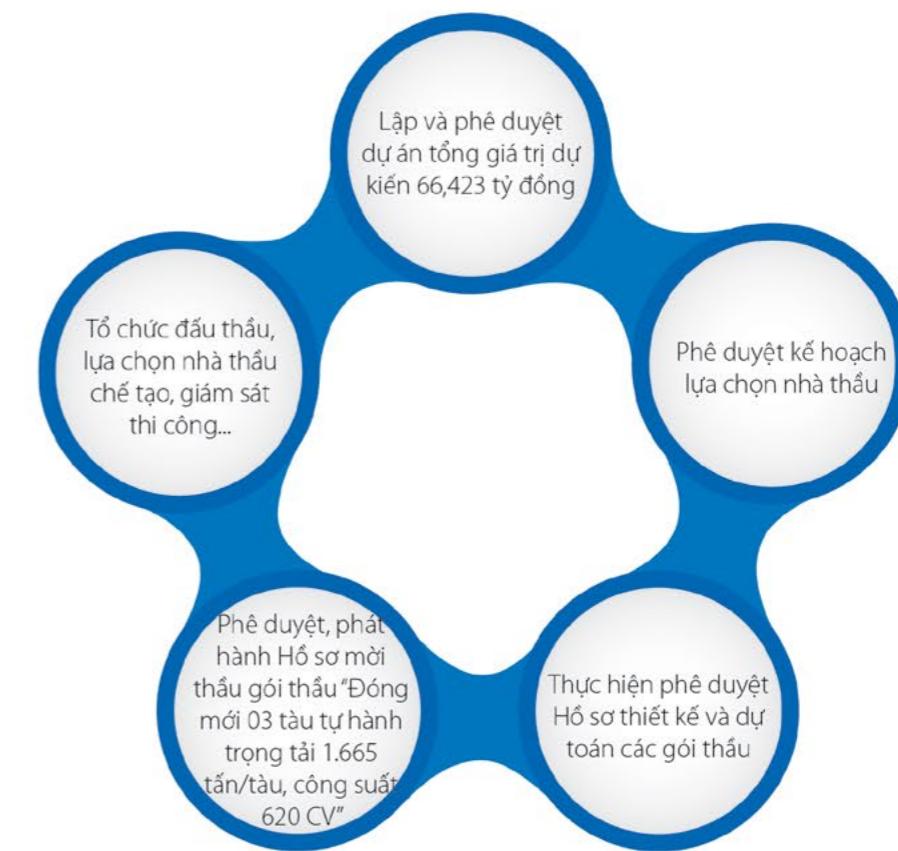
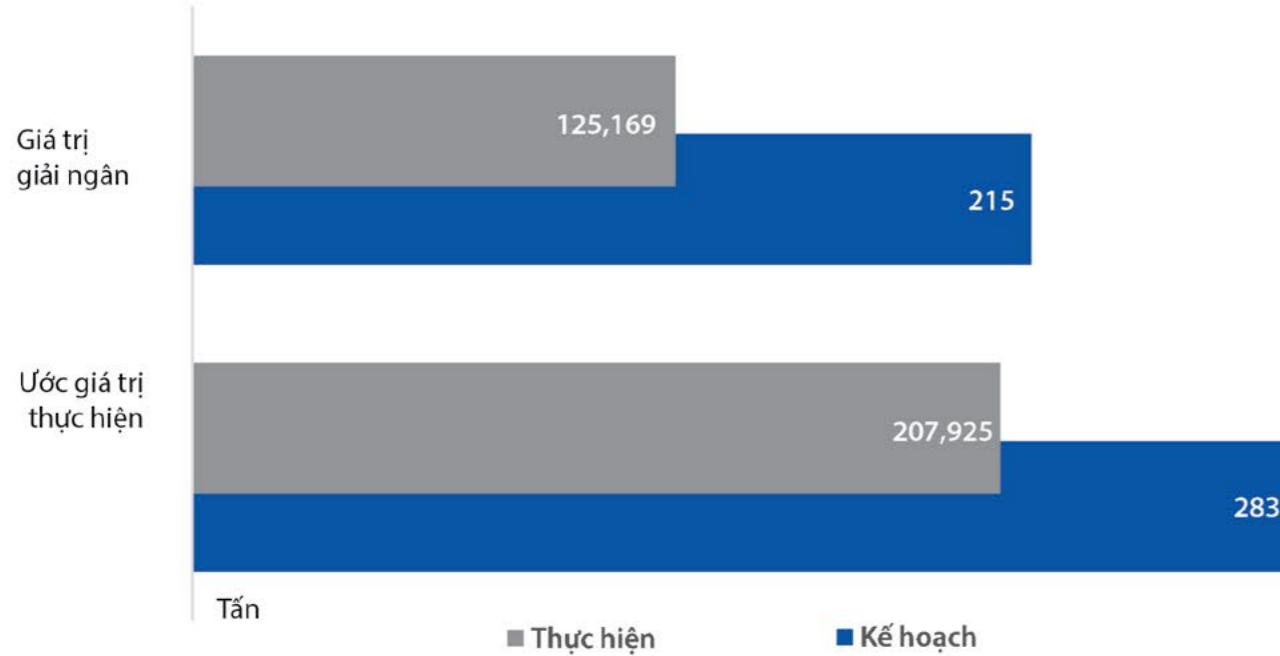
- Doanh thu đạt 3.261,06 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận đạt 72,06 tỷ đồng, đạt 120,6% so với kế hoạch đề ra.
- Nộp ngân sách 32,174 tỷ đồng, đạt 115% so với kế hoạch đề ra, tăng 35% so với năm 2015.
- Hoàn tất chi trả cổ tức 5% của năm 2015 và tạm ứng cổ tức 7% (trong tổng số 10-12%) năm 2016.
- Kinh doanh than đạt 1.562.211 tấn.
- Nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho VICEM khi nguồn than trong nước có nguy cơ thiếu hụt và chủ trương giảm giá vốn cho các công ty xi măng theo chỉ đạo của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), Công ty đã thực hiện nhập khẩu than từ Úc, Trung Quốc, Nga cung cấp cho các công ty xi măng với giá cả cạnh tranh, chất lượng phù hợp.
- Công ty đã tìm mọi giải pháp cân đối về tài chính, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và tiến độ đầu tư dự án tòa nhà COMATCE TOWER trước việc dư nợ tiền than của các công ty xi măng ở nhiều thời điểm hơn 700 tỷ đồng; tăng cường công tác quản lý, rà soát, tiết giảm các chi phí tài chính, chi phí hao hụt, cân đối linh hoạt nguồn vốn nên kế hoạch lợi nhuận thực hiện đạt 120,6% kế hoạch năm, tăng 35% so với năm 2015.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tập trung chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư tòa nhà COMATCE TOWER đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn. Đến hết năm 2016, dự án đã hoàn thành phần thô và đang hoàn thiện nốt các hạng mục bên trong tòa nhà như:

- Thi công hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống thiết bị bể bơi...
- Cung cấp và lắp đặt máy phát điện dự phòng.
- Cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, thông gió tầng hầm, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống mạng internet, điện thoại, truyền hình, camera...
- Thi công vách kính, sàn gỗ, lắp đặt hệ thống thang máy.

- Ước giá trị thực hiện năm 2016 đạt 207,925 tỷ đồng/KH năm 283 tỷ đồng, đạt 73,4% kế hoạch.
- Giá trị giải ngân thực hiện năm 2016 là 125,169 tỷ đồng/KH năm 215 tỷ đồng, đạt 58,21%.



#### THỰC HIỆN BÁN CĂN HỘ, KINH DOANH VĂN PHÒNG

- Tổng số căn hộ đã ký hợp đồng bán cho khách hàng đạt 50,53% diện tích sàn căn hộ.



- Công ty đã tìm kiếm và ký kết thêm hợp đồng với sàn bất động sản SAVILLS để tăng cường và mở rộng khả năng bán hàng.
- Công ty phối hợp với sàn giao dịch bất động sản HEBICO để làm việc với những khách hàng có nhu cầu mua sàn văn phòng.

#### DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÓNG MỚI XÀ LAN:

Công tác chuẩn bị cho dự án đóng mới 07 tàu tự hành đã hoàn thành một số công việc sau: Tổ chức thẩm tra, thẩm định, phê duyệt Dự án; Tổ chức lựa chọn Nhà thầu thi công đóng mới sà lan giai đoạn 1 là 03 tàu tự hành.

#### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA KHÁC:

- Đã triển khai dự án sửa chữa lợn toà nhà Công ty tại trụ sở 21B Cát Linh. Đến 31/12/2016 việc sửa chữa đã cơ bản hoàn thành với giá trị Hợp đồng 4,279 tỷ đồng, hiện đang hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán theo tiến độ.
- Đầu tư thiết bị KCS - boom nhiệt cho chi nhánh Ninh Bình. Đang thực hiện lắp đặt phòng thí nghiệm tại Chi nhánh Hải Phòng.
- Tổ chức khảo sát, lập Dự án đầu tư thiết bị bơm, hút xi măng rời tại cảng Quy Nhơn.

## ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

- Các cấp lãnh đạo, quản lý trong Công ty đã bám sát các mục tiêu, chủ trương, giải pháp trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; năng động, nhạy bén với tình hình biến động của thị trường; có nhiều biện pháp tích cực và phù hợp hợp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả những chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, ngân sách năm 2016 được Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam định hướng, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết nghị đã được thực hiện tốt; thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bão toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động được đảm bảo và ổn định ở mức cao.
- Thực hiện định hướng của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc xây dựng chiến lược nguồn nhân lực và kế hoạch đào tạo giai đoạn từ nay đến năm 2020, Công ty đã làm việc với Công ty tư vấn quản lý OCD, rà soát lại chức năng nhiệm vụ và xây dựng lại cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty, xác định chức danh chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng khung năng lực và đánh giá năng lực cán bộ.
- Tăng cường công tác quản trị, ban hành, sửa đổi một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty: Quy chế mua sắm vật tư thiết bị, Quy chế quản lý tài chính; Quy chế kinh doanh than; xây dựng các phần mềm quản lý hàng hoá, quản lý văn bản bằng công nghệ thông tin,...
- Đánh giá, sắp xếp lại lao động theo hướng tinh giản; lao động giảm 4% so với năm 2015.
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời vật tư cho nhu cầu sản xuất xi măng trong ngành, đảm bảo tiến độ, chất lượng và số lượng, mở rộng của thị trường kinh doanh than; quản lý tốt kho bãi, giảm tỷ lệ hao hụt hàng hoá trong vận tải và lưu kho.
- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật; chủ động xây dựng có hệ thống các quy chế quản lý, các chế tài trong kinh doanh, trên cơ sở các qui định của Nhà nước, của ngành ở mức tiên tiến.



## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

### VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tổng sản lượng hàng hóa bán ra và vận tải: 2.343.196 tấn, trong đó than cám 1.862.000 tấn.
- Doanh thu: 4.334,701 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 157,160 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 49,682 tỷ đồng.
- Tiền lương bình quân: 13,3 triệu đồng/người/tháng.
- Xác định trong năm 2017 và các năm tiếp theo, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi. Hội đồng quản trị thống nhất chỉ đạo Công ty bám sát tình hình thị trường để thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng than cám cho các công ty xi măng thuộc VICEM, cân đối tỷ trọng nguồn than trong nước (nguồn than của TKV, Đông bắc, nguồn than thương mại khác) và nhập khẩu, tổ chức chế biến than đáp ứng đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại than cho sản xuất xi măng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh; xây dựng chính sách bán hàng hợp lý để mở rộng thị trường, giữ thị phần than cung ứng.
- Chỉ đạo triển khai các thủ tục, xây dựng các phương án kinh doanh để thực hiện nhập khẩu xi lò cao, xuất khẩu xi măng - clinker, vận chuyển xi măng rời đi miền Trung và mở rộng kinh doanh một số loại vật tư, thiết bị khác cho các công ty xi măng.

### VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- Tích cực chỉ đạo thực hiện hoàn thành dự án xây dựng toà nhà COMATCE TOWER đạt tiến độ, chất lượng (dự kiến đến hết quý 2/2017 hoàn thành) để nghiệm thu và đưa dự án vào khai thác sử dụng; tiếp tục triển khai bán sản phẩm căn hộ và kinh doanh văn phòng cho thuê để thu hồi vốn đầu tư;
- Triển khai thực hiện đóng mới 03 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn/tàu, công suất 620CV và tiếp tục chỉ đạo thực hiện gói thầu đóng mới 04 tàu tự hành thuộc Dự án đóng mới 07 sà lan theo chủ trương đã phê duyệt tại Quyết định số 243/QĐ-VT-VT ngày 07/11/2016;
- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Dự án đầu tư thiết bị bơm hút xi măng rời tại cảng Quy Nhơn;
- Thực hiện việc thanh lý tàu biển theo chủ trương đã được phê duyệt.



## VỀ CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC

- Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết kiệm chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty;
- Chỉ đạo tổ chức tổng kết công tác 2016, phân tích hoạt động kinh tế, tìm các nguyên nhân thiếu sót, tồn tại và các biện pháp trong quản lý, điều hành nhằm hoàn thiện cơ chế và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của Hội đồng quản trị Công ty; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;
- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét;
- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá tình hình thị trường để có kế hoạch phát triển trung hạn và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể của VICEM.
- Xem xét việc cấu trúc lại Công ty và nguồn lực, tiếp tục chỉ đạo xây dựng định biên lao động, đánh giá chất lượng lao động, bố trí, sắp xếp lại lao động để nâng cao năng suất lao động; xây dựng KPIs để trả lương hợp lý, tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Phối hợp với Đảng uỷ Công ty trong việc kiện toàn bộ máy quản lý Công ty; rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, bố trí sắp xếp, luân chuyển cán bộ, nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.



## Báo Cáo Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát thường xuyên tham gia giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để tham gia vào công tác quản lý nhằm đạt hiệu quả cao nhất:

1. Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty.
  2. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2016, cụ thể:
    - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2016.
    - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
    - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
    - Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do đơn vị kiểm toán độc lập đưa ra.
    - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Năm 2016, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện qua:
- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty.
  - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
  - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng - 1 năm.

## ● Các Giao Dịch, Thủ Lao, Lợi Ích Của HĐQT, BGĐ & BKS

| Họ tên                                 | Chức vụ                                  | Lương       | Thưởng     | Thủ lao     | Tổng cộng   |
|--|--|-------------|------------|-------------|-------------|
| Cái Hồng Thu                           | Chủ tịch HĐQT                            | 50.000.000  | 72.000.000 | 122.000.000 |             |
| Nguyễn Thị Thuý Mai<br>(đến 12/4/2016) | Thành viên HĐQT                          | 50.000.000  | 16.000.000 | 66.000.000  |             |
| Huỳnh Trung Hiếu                       | Thành viên HĐQT,<br>Giám đốc Công ty     | 637.174.539 | 35.000.000 | 72.000.000  | 744.174.539 |
| Nguyễn Xuân Tùng                       | Thành viên HĐQT,<br>Phó Giám đốc Công ty | 472.338.327 | 30.000.000 | 48.000.000  | 550.338.327 |
| Mai Thống Nhất<br>(đến 31/7/2016)      | Phó Giám đốc Công ty                     | 300.277.921 | 30.000.000 |             | 330.277.921 |
| Trịnh Quang Hải                        | Thành viên HĐQT                          | 20.000.000  | 48.000.000 | 68.000.000  |             |
| Lê Sỹ Thắng<br>(từ 12/4/2016)          | Thành viên HĐQT                          | 311.520.112 | 20.000.000 | 32.000.000  | 363.520.112 |
| Phùng Thanh Hồng                       | Kế toán trưởng                           | 406.780.803 | 20.000.000 |             | 426.780.803 |
| Phạm Đức Trung<br>(đến 12/4/2016)      | Trưởng BKS                               | 20.000.000  | 16.000.000 | 36.000.000  |             |
| Tạ Hữu Hiển<br>Từ 12/4/2016            | Trưởng BKS                               |             | 32.000.000 | 32.000.000  |             |
| Nguyễn Thị Thu Hà                      | Thành viên BKS                           | 179.203.825 | 16.000.000 | 195.203.825 |             |
| Trịnh Bích Liên                        | Thành viên BKS                           | 182.217.004 | 16.000.000 | 198.217.004 |             |

Giao dịch và Lợi ích liên quan với Công ty:

Ông Trịnh Quang Hải là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Long Sơn ký hợp đồng vận chuyển, bốc xếp than, hợp đồng mua, bán clinker với Công ty, giá trị thực hiện hợp đồng là: 90.934.887.458 đồng, chiếm 5,52% Tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

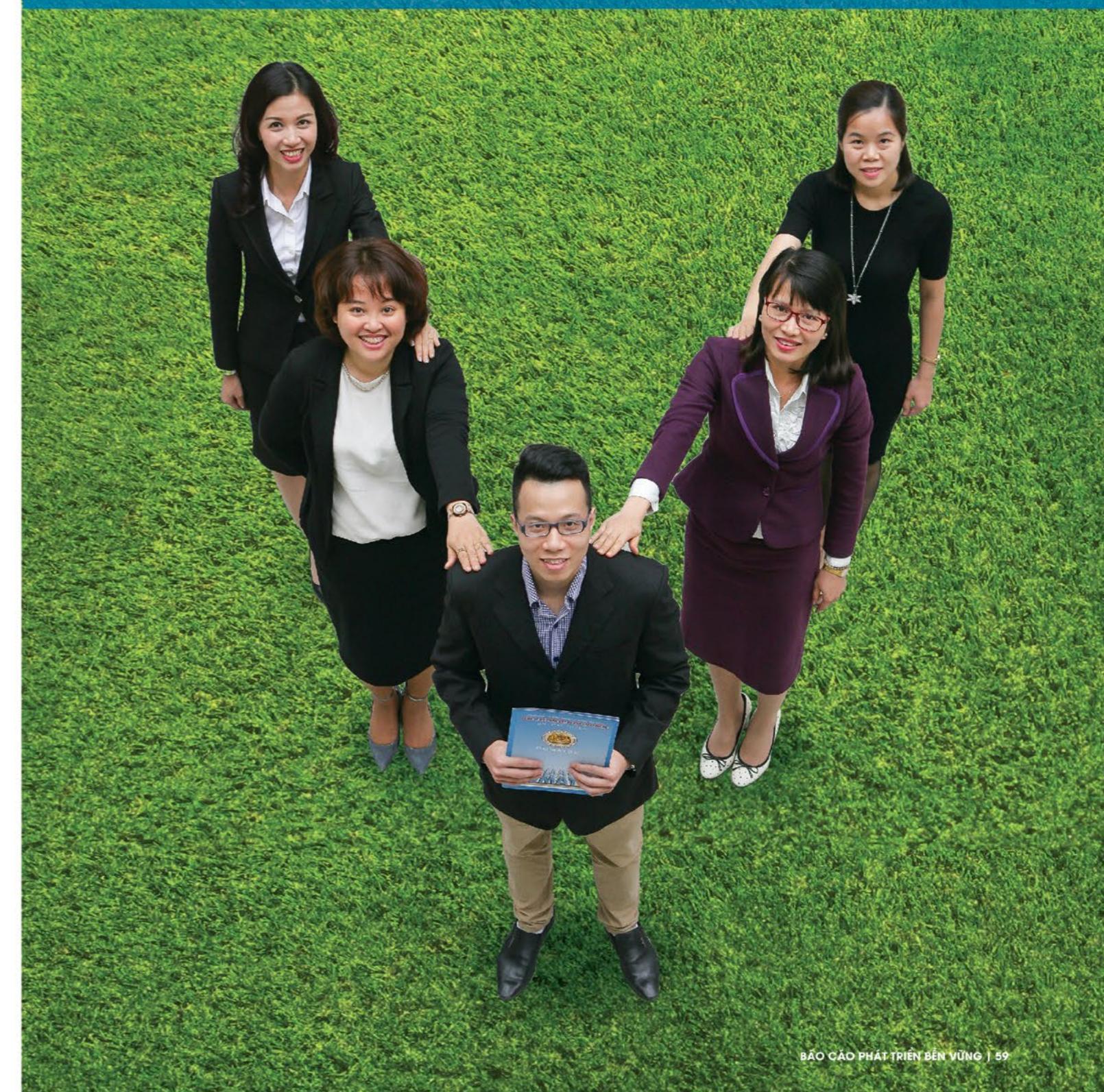
## ● Báo Cáo Phát Triển Bền Vững

Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về Phát triển Bền vững

Tổng quan báo cáo Phát triển Bền vững

Định hướng Phát triển Bền vững

Hoạt động Phát triển Bền vững trong năm 2016



## THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngành công nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam đã có lịch sử phát triển hơn 100 năm, với những dấu ấn, thành tựu không phai mờ trong quá trình xây dựng và phát triển. Khẩu hiệu "Thách thức thời gian" thể hiện ý chí, niềm tin của tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) trong phát huy truyền thống của ngành để xây dựng một VICEM phát triển bền vững.

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (VICEM Comatce) là một công ty con của VICEM, vì vậy phát triển bền vững không chỉ là trách nhiệm mà còn là mục tiêu tự thân của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với Công ty, nhất quán trong quá trình phát triển đã qua cũng như sắp tới, trách nhiệm trong phát triển bền vững luôn gắn với 3 vấn đề chính sau:

1. Lợi nhuận của Công ty gắn với hiệu quả kinh tế xã hội của đất nước;
2. Trách nhiệm đảm bảo an toàn cho môi trường;
3. Trách nhiệm với các vấn đề xã hội.

Động lực trong phát triển bền vững của Công ty là tầm nhìn: Trở thành một Công ty có trách nhiệm với xã hội trong cộng đồng, có uy tín cao trong cung cấp hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm.

Cơ sở để Công ty phát triển bền vững dựa trên những yếu tố sau:

1. Sử dụng, cung cấp hàng hoá, sản phẩm và dịch vụ thoả mãn mọi nhu cầu của khách hàng, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường;
2. Nâng cao hiệu quả, sự thuận lợi trong sản xuất kinh doanh cho các đối tác cung cấp hàng hoá, dịch vụ vận tải, bốc xếp;
3. Duy trì và phát triển văn hoá Công ty với những triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi: Hợp tác, cạnh tranh để cùng phát triển; trách nhiệm với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội; quan tâm đến quyền lợi của cổ đông và người lao động; khuyến khích, trân trọng sự sáng tạo, đổi mới của cán bộ nhân viên.

Kính thưa các quý khách hàng, đối tác và các bên có liên quan!

Hiện nay, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nghèo đói, dịch bệnh.v.v. đã và đang trở thành thách thức đe dọa tới phát triển bền vững của toàn cầu, trong đó Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng nặng nề. Việc chung tay bảo vệ trái đất để vượt qua những thách thức trên là nghĩa vụ của các tổ chức và doanh nghiệp, trong đó có VICEM Comatce. VICEM Comatce đã có 36 năm xây dựng và trưởng thành, đặc biệt sau hơn 10 năm cổ phần hoá, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển cả về quy mô cũng như hiệu quả. Song, trong thời gian tới, nếu không có những chiến lược phát triển gắn với các giải pháp bảo vệ môi trường, cân bằng lợi ích doanh nghiệp với lợi ích của xã hội thì sẽ không phát triển bền vững. Tuy nhiên để một quốc gia cũng như toàn cầu phát triển bền vững, cần phải chung tay góp sức của tất cả các doanh nghiệp, đối tác, khách hàng, người lao động và cổ đông của Công ty cũng như của các tổ chức có liên quan khác. Đây là thông điệp của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng thể hiện sự cam kết của mình cũng như góp thêm một tiếng nói, một hành động về phát triển bền vững của đất nước Việt Nam cũng như của toàn cầu.

Hãy hợp tác cùng chúng tôi vì một tương lai bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn  
**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**



**CÁI HỒNG THU**

# Tổng Quan Báo Cáo Phát Triển Bền Vững

Báo cáo phát triển bền vững đưa ra những thông tin phù hợp, để các cổ đông, khách hàng, đối tác và các bên liên quan hiểu được mục đích kinh tế dài hạn của Công ty và những đóng góp của Công ty trong phát triển bền vững của đất nước.

Báo cáo được lập theo hướng dẫn tại tài liệu Hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững, phiên bản G4, được cung cấp bởi Chương trình Môi trường Liên hợp Quốc (UNEP- United Nations Environment Programme) và của tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative).

## NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2016 nêu lên định hướng về chiến lược đối với những vấn đề phát triển bền vững của Công ty trong những năm sắp tới, đồng thời phản ánh các kết quả hoạt động phát triển bền vững quan trọng trong năm. Báo cáo sẽ giúp nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các bên liên quan có cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về Tầm nhìn, Chiến lược cũng như các Hoạt động cụ thể của Công ty góp phần vào sự phát triển bền vững trong các lĩnh vực Kinh tế, Xã hội và Trách nhiệm với các bên liên quan.

## BÁO CÁO BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH NHƯ SAU:

- 1 - Thông điệp của Chủ tịch về Phát triển bền vững
- 2 - Tổng quan về Báo cáo
- 3 - Định hướng chiến lược phát triển bền vững
- 4 - Gắn kết các bên liên quan & Cách thức xác định nội dung báo cáo
- 5 - Báo cáo về hoạt động phát triển bền vững năm 2016.

## PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững 2016 là một tài liệu tích hợp, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo Thường niên và Báo cáo Tài chính năm 2016 của Công ty.

Báo cáo được lập định kỳ hàng năm theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2016. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của VICEM Comatce. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2016, để cập đến định hướng và mục tiêu của VICEM Comatce trong những năm tới về vấn đề phát triển bền vững.

# Định Hướng Phát Triển Bền Vững

## CÁCH XÁC ĐỊNH

Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của VICEM Comatce xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn của Công ty, kết hợp với mục tiêu phát triển môi trường kinh doanh và xã hội, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

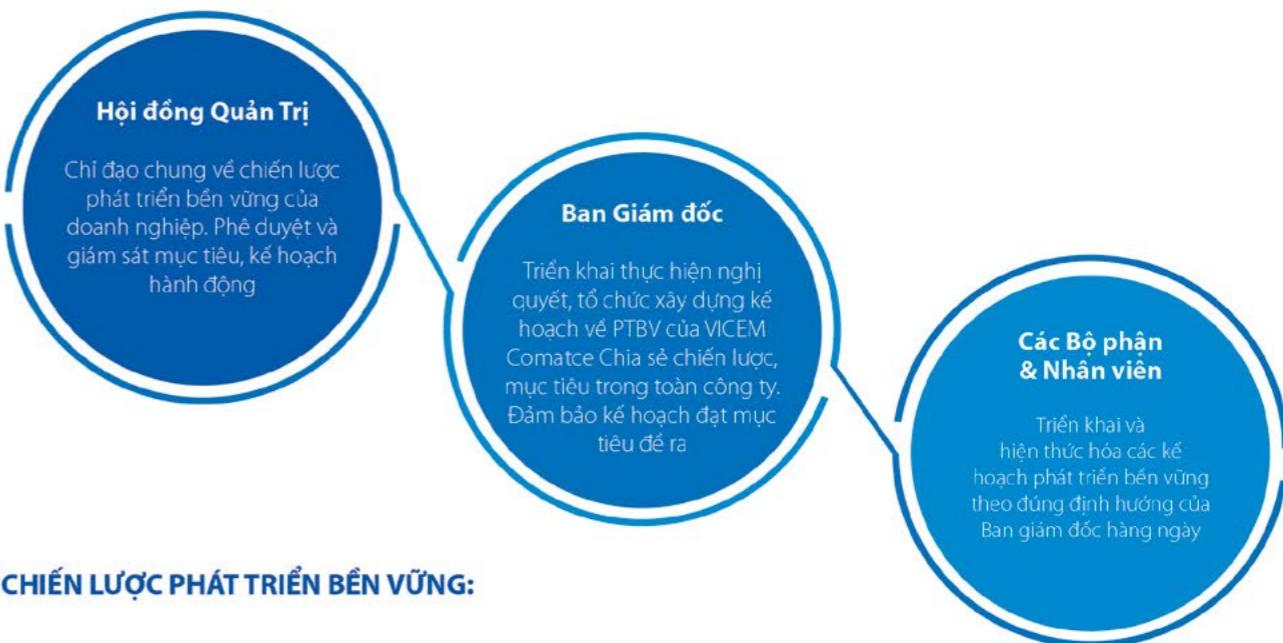
Nội dung phát triển bền vững được VICEM Comatce trao đổi với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này được VICEM Comatce tiếp tục đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2016.

## LIÊN HỆ

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ:

**Ông Trịnh Công Giang** | Thư ký Công ty

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

### MỤC TIÊU:

1. Hài hòa lợi nhuận sản suất kinh doanh với hiệu quả kinh tế- xã hội, môi trường;
2. Hài hòa quyền lợi của các cổ đông, người lao động với đầu tư phát triển bền vững;

### CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Hợp tác, chia sẻ rủi ro, khó khăn với đối tác để hướng tới hiệu quả chung cao nhất về kinh tế- xã hội và môi trường:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác cung cấp hàng hoá (than cám, phụ gia,...) và dịch vụ vận tải (sông biển) có nhiều ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái như bụi, đất thải, nước thải trong quá trình khai thác, sàng tuyển than; ô nhiễm không khí, nguồn nước do khí thải, nước thải, phế thải từ tàu biển, tàu sông;

Công ty đã chia sẻ những khó khăn này bằng việc hợp tác mua những chủng loại hàng hoá mà đối tác khai thác, chế biến với hiệu quả kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường tối ưu nhất.

2. Mua bán hàng hoá có nguồn gốc rõ ràng: Được sản xuất, khai thác, nhập khẩu từ các đơn vị có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật:

Do quản lý khai thác khoáng sản còn nhiều bất cập, nhiều mỏ than, phụ gia xi măng bị khai thác trái phép, dẫn đến môi trường bị tàn phá, ô nhiễm nguồn nước... Với việc Công ty chỉ mua than có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp đã góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên, môi trường.

3. Cung cấp vật tư thô mangan mọi nhu cầu của các công ty xi măng trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Một số chủng loại than khai thác từ các mỏ không đáp ứng với nhu cầu của các công ty xi măng. Để giải quyết bất cập này, Công ty đã tổ chức chế biến than từ mọi nguồn than trong nước cũng như nhập khẩu để có chủng loại than phù hợp. Với giải pháp này, Công ty đã góp phần khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Trước khi quyết định các dự án đầu tư phải xem xét đến hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:

Một số dự án đầu tư như Dự án đầu tư toà nhà cao tầng tại Nhân Chính, Dự án đầu tư đội tàu vận tải sông, trước khi quyết định đầu tư, Công ty đều tổ chức thẩm tra, thẩm định các yếu tố liên quan đến bảo vệ môi

trường như sử dụng gạch không nung; máy móc, trang thiết bị không phát thải các chất làm thủng tầng Ozon, ô nhiễm môi trường nước,...

#### 5. Trang bị máy móc thiết bị, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ để góp phần giảm ô nhiễm môi trường:

Công ty đã xây dựng các phòng thí nghiệm với các trang thiết bị tiên tiến để phân tích, kiểm tra chất lượng hàng hoá tại các kho bãi trước khi giao cho khách hàng; đảm bảo chất lượng hàng hoá ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để chạy lò, qua đó giảm thiểu sản phẩm hư hỏng, góp phần giảm ô nhiễm môi trường;

Hiện nay Công ty cũng đang triển khai Dự án sử dụng phế thải xi lò cao từ các nhà máy luyện thép để làm phụ gia xi măng, giảm thiểu khai thác khoáng sản để làm phụ gia. Khi Dự án đi vào hoạt động, môi trường sẽ được cải thiện hơn.

#### 6. Hài hòa, minh bạch lợi ích của các cổ đông, người lao động với đầu tư phát triển:

Việc phân chia các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển cũng như các chi phí tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động đều được trình bày, thảo luận và thông qua tại các Đại hội đồng cổ đông thường niên. Với cách làm này quyền lợi của các cổ đông, lợi ích người lao động được đảm bảo, hài hòa, minh bạch với đầu tư phát triển dài hạn, góp phần ổn định cuộc sống lâu dài cho người lao động, ổn định sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần vào ổn định xã hội.

#### 7. Thực hiện trách nhiệm với xã hội

Hàng năm Công ty đã trích từ quỹ phúc lợi, tiền lương hàng tỷ đồng để làm công tác từ thiện như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, đóng góp vào các quỹ từ thiện...góp phần vào ổn định xã hội.

Công ty sử dụng những cách thức giao tiếp riêng biệt, phù hợp với từng bên liên quan, tạo điều kiện để các bên có thể chia sẻ một cách đầy đủ, chân thực nhất các vấn đề họ quan tâm, kỳ vọng. Dưới đây là danh sách các bên liên quan của Công ty, phương pháp giao tiếp và khái quát một số vấn đề được quan tâm:

| Các bên liên quan   | Phương pháp giao tiếp  |                    | Các vấn đề quan tâm   |
|---------------------|--|--------------------|---|
|                     | Cấp giao tiếp  | Tần suất           |   |
| Các công ty xi măng | Chi nhánh, các phòng kinh doanh của Công ty giao tiếp với các phòng ban khách hàng | Hàng ngày          | Đánh giá về chất lượng hàng, chủng loại phương tiện vận chuyển, công tác xếp, dỡ; Xử lý tranh chấp phát sinh. |
|                     | Lãnh đạo Công ty gặp lãnh đạo khách hàng   | Hàng quý, đột xuất | Giải quyết các tồn tại phát sinh và giải pháp ngăn chặn các rủi ro ô nhiễm môi trường.                        |
| Các đơn vị vận tải  | Cấp quản lý, chuyên viên các phòng ban, chi nhánh                                  | Hàng ngày          | Giải quyết các vướng mắc liên quan đến giải phóng tàu, giải quyết tranh chấp giao nhận hàng.                  |
|                     | Cấp lãnh đạo công ty   | Hàng năm, đột xuất | Phối hợp để ra các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.   |
| Tập đoàn than       | Chi nhánh, các phòng kinh doanh giao tiếp với các phòng ban của các công ty than   | Hàng năm, đột xuất | Giải quyết các phát sinh liên quan đến khối lượng, chất lượng hàng  |

| Các bên liên quan | Phương pháp giao tiếp   |                     | Các vấn đề quan tâm  |
|-------------------|---|---------------------|--|
|                   | Cấp giao tiếp   | Tần suất            |  |
| Tập đoàn than     | Lãnh đạo Công ty giao tiếp với lãnh đạo Tập đoàn, các công ty than thành viên | Hàng quý, hàng năm  | Phối hợp giải quyết các vấn đề về bảo vệ môi trường.                                     |
| Người lao động    | Trưởng phòng ban, chi nhánh; trưởng phòng Tổ chức Lao động                    | Hàng ngày           | Chế độ, chính sách đối với người lao động.   |
|                   | Lãnh đạo công ty  | Hàng tuần, đột xuất | Giải quyết các khiếu nại liên quan đến tiền lương, đánh giá người lao động               |
|                   | Hội nghị người lao động   | Hàng năm            | Để xuất các giải pháp đảm bảo, cải thiện môi trường sống và làm việc cho người lao động. |
| Cổ đông           | Phòng pháp chế và quan hệ cổ đông   | Thường kỳ, đột xuất | Giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông.                     |
|                   | Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường                                  | Hàng năm, đột xuất  | Giải quyết các vấn đề về chiến lược phát triển bền vững.                                 |

# Hoạt Động Phát Triển Bền Vững

## Trong Năm 2016

### TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

#### QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

##### 1. Với khách hàng mua bán than

- Công ty cung cấp hàng hóa đúng tiến độ, đảm bảo khối lượng, chất lượng, giá cả cạnh tranh cũng như hoàn thiện các thủ tục chứng từ liên quan theo đúng quy định của Nhà nước. Có chính sách hỗ trợ, giảm giá, khuyến khích tiêu thụ.
- VICEM Comatce phối hợp và hỗ trợ giải quyết các tranh chấp, đảm bảo quyền lợi giữa các bên liên quan. Các biện pháp giải quyết vấn đề cho khách hàng được lãnh đạo Công ty chỉ đạo xuyên suốt trong năm và điều chỉnh theo thực tế thực hiện của tháng, quý và biến động của thị trường.
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng chiến lược với các khách hàng cung cấp như TKV để đáp ứng được mục tiêu chiến lược về năng lượng của ngành.
- Nhờ những thay đổi nâng cao chất lượng, thị phần cung ứng của VICEM Comatce năm 2016 tăng 13% so với năm 2015, số lượng khách hàng tăng 50%.

##### 2. Với khách hàng vận tải

- Quản lý tàu biển đảm bảo các yêu cầu về chất lượng phương tiện, an toàn an ninh và vệ sinh môi trường; vật tư nhiên liệu luôn đầy đủ, kịp thời; đội ngũ thuyền viên có trình độ, kinh nghiệm và ý thức trách nhiệm cao, nhằm thực hiện đúng lịch trình vận chuyển hàng hoá cho khách hàng.
- Nâng cao năng suất bốc xếp, giải quyết nhanh chóng các vướng mắc phát sinh để giải phóng nhanh phương tiện vận chuyển đường sông.
- Thường xuyên trao đổi thông tin với khách hàng, đổi chiếu khối lượng thực hiện theo từng quý. Giải quyết mọi sự cố và vướng mắc với khách hàng trên tinh thần thiện chí, chia sẻ khó khăn và hợp tác lâu dài.



##### 3. Với khách hàng của COMATCE TOWER

- Dự án COMATCE TOWER gồm căn hộ và văn phòng cho thuê thuộc phân khúc trung cao cấp, phù hợp với nhu cầu của số đông đối tượng khách hàng.
- Dự án nằm trên trục đường Ngụy Như Kon Tum (Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội) tiếp giáp với các huyết mạch giao thông quan trọng của thành phố. Tòa nhà nằm trong quần thể khu đô thị mới và hiện đại bậc nhất Hà Nội với cơ sở hạ tầng đồng bộ, kiến trúc hiện đại. Bao quanh tòa nhà là nhiều khối cơ quan, hành chính sự nghiệp, ngân hàng, trường học.
- COMATCE TOWER thiết kế rộng rãi khoa học, mỗi căn hộ đều tiếp giáp với không gian bên ngoài; phù hợp với đối tượng khách hàng dân trí cao, mong muốn có môi trường sống tốt, trong lành, thư thái.
- Công ty xây dựng các cơ chế thanh toán phù hợp với từng đối tượng khách hàng, đổi chiếu công nợ kịp thời, chính xác, tạo lòng tin cho khách hàng về uy tín và năng lực tài chính. Khách hàng được lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ khó khăn về mặt tài chính thông qua thanh toán tiền hàng... và được hoàn thiện hồ sơ chứng từ thanh toán nhanh gọn.



## CƠ CHẾ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG LINH HOẠT

### 1. VỚI KHÁCH HÀNG MUA BÁN THAN

- Giao dịch mua bán được tổ chức thực hiện và theo dõi theo Quy trình quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015.
- Công ty áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình giao dịch và giao nhận, mua bán hàng hóa.
- Sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và Khách hàng được đảm bảo thông suốt, liên tục, qua đó cơ hội hợp tác được duy trì và mở rộng qua các năm.
- Ban lãnh đạo có sự nhất trí cao, đồng thuận nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng chạy lò của nhà máy, giảm thiểu tác động đến môi trường, duy trì phát triển bền vững.

### 2. VỚI KHÁCH HÀNG VẬN TẢI

- Phân chia khách hàng vận tải ra thành các nhóm: Nhà cung ứng cấp 1, cấp 2, cấp 3, nhà cung ứng đặc thù và có những mức cước vận tải riêng biệt kèm theo những ràng buộc đối với từng nhóm.
- Ngoài việc thường xuyên trao đổi, phối hợp điều hành và giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện, Công ty còn tổ chức "Hội nghị khách hàng vận tải" giải đáp các thắc mắc, những chia sẻ của khách hàng cũng như tiếp nhận các ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm mục đích nâng cao chất lượng vận chuyển, giao, nhận hàng hóa.

### 3. VỚI KHÁCH HÀNG CỦA COMATCE TOWER

- Phối hợp với Sàn kinh doanh bất động sản xây dựng các chương trình quảng bá sản phẩm.
- Quy trình giao dịch đối với khách hàng: Ngay từ khi có kế hoạch bán sản phẩm, bộ phận kinh doanh nhà, chăm sóc khách hàng đã làm việc với Sàn phân phối sản phẩm để xây dựng một quy trình giao dịch chuẩn cho việc giao dịch với khách hàng: Phương pháp tiếp cận, làm việc khoa học.
- Bám sát tiến độ triển khai dự án, các gói thầu. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thi công của các Nhà thầu đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;
- Tạo điều kiện tối đa cho khách hàng trong các chương trình vay tín dụng, tư vấn cho khách hàng trong việc hoàn thiện các căn hộ nhận bàn giao thô.

## THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG, CHIA SẺ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Cổ phiếu VTV đã niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam và nằm trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam nên mọi thông tin hoạt động kinh doanh đều được công bố, cập nhật theo định kỳ và phát sinh trên các trang thông tin kinh tế, chứng khoán, bất động sản.

- Công ty luôn nắm bắt cơ hội để mở rộng thị phần, nâng cao vị thế và uy tín của Công ty trong ngành. Từ năm 2011, Công ty đã thực hiện cung cấp mặt hàng than cám cho 06 khách hàng, đến 2016 đã bổ sung cung cấp lên 9 khách hàng.

- Công ty mở rộng, đa dạng ngành nghề như: Triển khai cung cấp xi lò cao cho các nhà máy xi măng với đặc tính thân thiện, bảo vệ môi trường hơn so với các sản phẩm phụ gia cùng loại khác; tiếp tục triển khai xuất khẩu xi măng, cung cấp xi măng rời...
- Trong tình hình thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn như hiện nay, để xây dựng lòng tin với khách hàng, quảng bá sản phẩm của Dự án, Công ty đã kết hợp với phương tiện truyền thông như: Tổ chức các lễ khởi công, lễ cất nóc trên các trang báo điện tử...
- Xây dựng chính sách bán hàng khởi văn phòng dự án linh hoạt, nhằm chia sẻ cơ hội đầu tư với các khách hàng: Chính sách về giá, các khuyến mãi đi kèm...

## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

- Cam kết bảo vệ môi trường tại dự án xây dựng tòa nhà cao tầng tại Nhân Chính được Quận Thanh Xuân – Hà Nội chấp thuận, phê duyệt.
- Hệ thống nước thải sinh hoạt được xử lý chung với hệ thống đường ống của Thành phố, có Hợp đồng về xử lý rác, nước thải sinh hoạt thông thường, mức chi phí năm 2016 là: 8.420.000 đồng/năm.
- Trong quá trình thi công xây dựng tòa nhà cao tầng – cùng với bên B đã thực hiện nghiêm chỉnh việc vận chuyển và đổ chất thải rắn (đất, đá) đúng với quy định.
- Những chi nhánh có bãi than trung chuyển đã sử dụng bạt che bãi, xây tường bao và phun nước chống bụi thường xuyên để hạn chế bụi ô nhiễm môi trường.
- Các đoàn sà lan, tàu biển của Công ty đều có đầy đủ các giấy chứng nhận xử lý khói bụi của ống xả và chất thải sinh hoạt do Cơ quan đăng kiểm Việt Nam phê duyệt, đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động tại Việt Nam và Quốc tế.



## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (CSR)

Mỗi doanh nghiệp dù quy mô lớn hay nhỏ, lợi nhuận nhiều hay ít đều có thể lựa chọn mục tiêu CSR phù hợp với mình. Đối với VICEM Comatce, dù quy mô Công ty chưa phải là lớn nhất, lợi nhuận mới được cải thiện trong những năm gần đây, nhưng chúng tôi luôn nỗ lực đồng hành cùng cộng đồng trong mỗi bước phát triển của mình.

Năm 2016, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đã thực hiện một số hoạt động xã hội có ý nghĩa:



Tổ chức họp mặt hàng năm với cán bộ Công ty đã nghỉ hưu và ủng hộ kinh phí cho hoạt động của Hội hưu trí.



Tham gia tích cực công tác huấn luyện dân quân tự vệ theo kế hoạch của Ban chỉ huy quân sự quận Đống Đa.



Đoàn thanh niên tham gia hiến máu nhân đạo.



Lãnh đạo Công ty quan tâm đến đời sống tinh thần, tạo khí thế cho người lao động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG

- Để cổ đông nắm được nội dung và sắp xếp kế hoạch tham dự Đại hội, Công ty đã thực hiện các giải pháp, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các cổ đông được tiếp cận với các thông tin tài liệu một cách nhanh nhất bằng nhiều hình thức như: Chuyển phát nhanh, thư bảo đảm, đăng tải tài liệu trên Website Công ty trước 15 ngày (Luật Doanh nghiệp – 10 ngày)
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tại địa điểm thuận lợi.
- Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn trên Website, báo cáo thường niên để cổ đông và nhà đầu tư tìm hiểu, trích lục ...
- Thanh toán cổ tức đầy đủ, đúng hạn: ngày 08/8/2016 đã thực hiện chi trả cổ tức bao gồm:
  - Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2015 (5%): 15.599.912.500 đồng.
  - Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 (7%): 21.839.877.500 đồng.
- Tôn trọng, đảm bảo quyền lợi, đối xử công bằng với các cổ đông;
- Bảo vệ cổ đông nhỏ: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần từ 5% liên tục từ 06 tháng trở lên được đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát (Luật Doanh nghiệp – từ 10%), được yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông, để xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông và các quyền khác được quy định tại Điều 12 và Điều 15 Điều lệ Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông tiếp cận thông tin từ Công ty: Thông tin từ website Công ty, trả lời trực tiếp, điện thoại, công văn... (khi có yêu cầu).



## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đánh giá cao năng lực của mỗi cá nhân và luôn chào đón tất cả các ứng viên có tâm huyết tìm kiếm một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và hiện đại. Công ty luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến sức lực, trí tuệ và được hưởng những chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị cá nhân mang lại.



Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén, tạo nên sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường và xây dựng hình ảnh VICEM Comatce tốt đẹp trong tâm thức của đối tác, khách hàng và xã hội. Ngay từ cuối năm 2015 - đầu năm 2016, lãnh đạo Công ty đã quyết tâm xây dựng và tạo sự chuyển biến sâu sắc hình ảnh doanh nghiệp để tạo nên sự tin cậy nơi khách hàng và ý thức, trách nhiệm với công việc của người lao động. Cụ thể:

- Ngay từ khi bước chân vào trụ sở làm việc của Công ty, việc quan tâm đến nơi làm việc của từng phòng ban, bộ phận đã được Lãnh đạo Công ty đưa vào trở thành tiêu chí thi đua. Dù trụ sở cũ do trải qua thời gian dài sử dụng nhưng văn phòng vẫn phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, tạo được sự văn minh và thuận tiện cho khách khi đến giao dịch.
- Kỷ luật lao động được duy trì nghiêm túc và chặt chẽ. Đảm bảo thời gian làm việc và nghỉ ngơi thỏa đáng theo đúng Bộ luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể đã quy định.
- Tác phong, trang phục cũng được Lãnh đạo quan tâm trang bị và nhắc nhở nhằm giữ gìn hình ảnh đẹp về Công ty trong mắt bạn hàng.
- Xây dựng nếp sống văn minh nơi công sở. Không khạc nhổ, vứt rác bừa bãi. Có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Không nói tục, chửi bậy khi giao tiếp với khách hàng cũng như đồng nghiệp. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm để phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của các thành viên.
- Sau khi được Lãnh đạo Tổng Công ty quan tâm, cho phép sửa chữa trụ sở làm việc, Lãnh đạo Công ty đã khẩn trương bắt tay vào thực hiện và đôn đốc việc triển khai với yêu cầu: Khẩn trương - Hiệu quả - Triệt để tiết kiệm. Sau khoảng 5 tháng tích cực tu sửa, trụ sở Công ty đã được sửa chữa, đầu tư khang trang, sạch đẹp, đến nay đã chính thức đi vào sử dụng.

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo hướng đoàn kết vì một VICEM Comatce không ngừng đổi mới để phát triển, hội nhập để thành công, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của một VICEM ngày càng vững mạnh.

Công ty luôn hiểu rằng sự thành công trong kinh doanh không chỉ là nhờ vào các sản phẩm, dịch vụ, mà còn nhờ vào sự đóng góp của những con người - đó là tài sản quan trọng nhất đối với Công ty. Với kết quả kinh doanh xuất sắc và vượt trội năm 2016, Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đang hướng tới trở thành một địa chỉ tin tưởng cho khách hàng, một nơi làm việc mong ước cho người lao động.

Công ty luôn hướng tới môi trường làm việc bình đẳng, hòa đồng, thân thiện. Với tinh thần thượng tôn kỷ cương, kỷ luật lao động, quyết liệt, đổi mới và nhiệt huyết trong công việc với chủ đề "Vì một VICEM Comatce: Đổi mới, Kỷ cương và Phát triển bền vững". Phát huy những giá trị cốt lõi, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty đề cao và nuôi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trong đó hoạt động kinh doanh, dịch vụ đang được thực hiện phù hợp với các giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống của xã hội Việt Nam. Ngoài mức lương thưởng và lợi ích cạnh tranh thì đây là một trong những yếu tố quan trọng để giữ chân những người có tâm huyết và thu hút nhân tài đến với Công ty.

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng luôn cố gắng tạo ra văn hóa của Công ty để xây dựng môi trường làm việc tốt đẹp. Nói cách khác, Công ty không ngừng nỗ lực nâng cao tiêu chuẩn làm việc của mỗi nhân viên.

Chúng tôi cam kết đạt được sự tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, dịch vụ thông qua đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc với tinh thần, trách nhiệm cao và xây dựng niềm tin tưởng ở khách hàng, với các giá trị:

- **Chúng tôi phải luôn luôn phấn đấu.**
- **Luôn quan tâm tới khách hàng và môi trường chúng ta đang sống.**
- **Chỉ bán những sản phẩm với giá trị thực của chúng.**
- **Phát biểu một cách trung thực và thẳng thắn.**
- **Cân đối giữa những thành quả ngắn hạn và chiến lược dài hạn.**
- **Chiến thắng bằng sự đa dạng và không phân biệt đối xử.**
- **Tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau thành công.**

## TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ chính sách đối với người lao động được luôn được Công ty quan tâm thực hiện đảm bảo đúng các quy định của nhà nước và pháp luật. Đảm bảo việc làm, tiền lương bình quân đạt 12,6 triệu đồng/người/tháng, 100% người lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và khám sức khoẻ định kỳ, được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các trang thiết bị, điều kiện làm việc.

Tôn trọng và phát huy quyền dân chủ đối với người lao động, tạo điều kiện cho người lao động được tham gia đầy đủ các hoạt động với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra", mọi chính sách liên quan đến người lao động đều được công khai minh bạch.

## PHÚC LỢI CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

- Chi quỹ phúc lợi: 3,157 tỷ đồng cho người lao động vào các dịp lễ, Tết để người lao động có điều kiện được nghỉ ngơi, vui vẻ sau những ngày lao động mệt nhọc;
- Chi tiền hỗ trợ cho người lao động nghỉ mát 05 triệu đồng/người với số tiền là: 1,222 tỷ đồng và được nghỉ 03 ngày hưởng nguyên lương sản phẩm.
- Chi tiền hỗ trợ trang phục cho 142 lao động gián tiếp, mức 05 triệu đồng/người, với số tiền là: 710 triệu đồng;
- Chi quỹ phúc lợi cho người lao động và thân nhân khi có việc hiếu, hỷ với số tiền là: 16,25 triệu đồng;
- Chi quỹ phúc lợi và kinh phí Công đoàn cho hoạt động và quà tặng cho nữ lao động nhân các ngày 8/3, 20/10 với số tiền là: 57,3 triệu đồng;
- Chi quà tặng từ Quỹ nghĩa tình và Quỹ lương dự phòng cho 08 lao động nghỉ hưu với số tiền là 124,16 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ cho 06 lao động nghỉ hưu sớm và chấm dứt hợp đồng lao động với số tiền là 444 triệu đồng từ Quỹ lương dự phòng.
- Công ty đã đóng đầy đủ, đúng thời hạn và tăng 50% so với năm 2015 các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Giải quyết đầy đủ chế độ bảo hiểm cho người lao động như: Huu trí, ốm đau, thai sản...

## ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

- Công ty đã trang bị đảm bảo công cụ, dụng cụ, phương tiện đi lại công tác.
- Năm 2016 công ty đã chi trên 06 tỷ đồng để cải tạo trụ sở Công ty và các chi nhánh, mua mới và cải tạo trụ sở chi nhánh Hải Phòng; mua sắm trang bị công cụ, thiết bị làm việc đảm bảo nâng cao điều kiện làm việc, an toàn cho người lao động.
- Lao động trực tiếp được trang bị tốt bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn ngành nghề quy định.
- Người lao động được chi bữa ăn giữa ca là 25.000 đồng/ngày và được tăng lên mức 33.000 đồng/ngày từ tháng 11/2016.

## CHÍNH QUYỀN VÀ CÔNG ĐOÀN

- Chính quyền và Công đoàn Công ty đã phối hợp xây dựng và ban hành các quy chế: Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế đối thoại tại nơi làm việc, Quy chế phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và Công đoàn. Công đoàn đã tham gia xây dựng các quy chế, quy định có liên quan đến chế độ, chính sách cho người lao động như: Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế phân phối tiền lương sản phẩm, Nội quy lao động, Đánh giá hiệu quả công việc theo KPIs, các chế độ phúc lợi, An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ.
- Công đoàn phối hợp với Chính quyền tổ chức đối thoại tại nơi làm việc khi các bên có yêu cầu.
- Tổ chức thương lượng tập thể để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động.
- Tổ chức Hội nghị người lao động để người lao động được tham gia ý kiến về sản xuất kinh doanh, chế độ, chính sách, việc làm, điều kiện làm việc và an toàn vệ sinh lao động; trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động với doanh nghiệp.
- Ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể với những điều khoản có lợi hơn cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Công ty đã thực hiện tốt chế độ, chính sách cho người lao động và thực hiện nhiều nội dung cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; tổ chức tốt việc thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, ốm đau, tai nạn lao động, hiếu hỷ. Công đoàn phối hợp với chuyên môn xét chi khen thưởng 2016 cho các tập thể, cá nhân có thành tích năm 2015 và khen thưởng đột xuất trong năm 2016 với số tiền là 3,594 tỷ đồng.
- Công đoàn chỉ đạo Ban nữ công Công ty đã làm tốt công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng, đã tổ chức phát phần thưởng, đi xem phim và liên hoan cho các cháu nhi đồng, các cháu đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết Trung thu, với số tiền là: 163,578 triệu đồng.

# o Báo Cáo Tài Chính

Báo cáo Tài chính

Thuyết minh Báo cáo Tài chính



# Báo Cáo Tài Chính

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội Đồng Quản Trị

| Họ và Tên              | Chức danh | Ngày được bầu/bổ nhiệm/từ nhiệm |
|------------------------|-----------|---------------------------------|
| Ông Cái Hồng Thu       | Chủ tịch  |                                 |
| Ông Huỳnh Trung Hiếu   | Ủy viên   |                                 |
| Ông Nguyễn Xuân Tùng   | Ủy viên   |                                 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Mai | Ủy viên   | Miễn nhiệm ngày 12/4/2016       |
| Ông Trịnh Quang Hải    | Ủy viên   |                                 |
| Ông Lê Sỹ Thắng        | Ủy viên   | Bổ nhiệm ngày 12/4/2016         |

#### Ban Giám đốc

| Họ và Tên            | Chức danh    | Ngày được bầu/bổ nhiệm/từ nhiệm |
|----------------------|--------------|---------------------------------|
| Ông Huỳnh Trung Hiếu | Giám đốc     |                                 |
| Ông Nguyễn Xuân Tùng | Phó Giám đốc |                                 |
| Ông Mai Thống Nhất   | Phó Giám đốc | (nghỉ hưu từ ngày 01/08/2016)   |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban giám đốc,



**Huỳnh Trung Hiếu**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông - Hội đồng quản trị và Ban giám đốc - Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24/02/2017 từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuuyết minh Báo cáo tài chính.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0034-2015-155-1

**Đoàn Thu Hằng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1396-2015-155-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / MẪU SỐ B01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(\*) Đơn vị tính: VNĐ

|           | CHỈ TIÊU                                    | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016               | 01/01/2016             |
|-----------|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>A-</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     | <b>100</b> |             | <b>1.231.158.225.570</b> | <b>995.111.637.901</b> |
| I.        | Tiền và các khoản tương đương tiền          | 110        | 5           | 22.426.671.920           | 101.509.919.554        |
| 1.        | Tiền  | 111        |             | 22.426.671.920           | 101.509.919.554        |
| II.       | Các khoản phải thu ngắn hạn                 | 130        |             | 658.779.910.135          | 575.124.192.874        |
| 1.        | Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 131        | 6           | 637.076.319.143          | 565.246.922.763        |
| 2.        | Trả trước cho người bán ngắn hạn            | 132        |             | 19.714.953.023           | 8.149.644.266          |
| 3.        | Phải thu ngắn hạn khác                      | 136        | 7           | 1.988.637.969            | 1.727.625.845          |
| III.      | Hàng tồn kho                                | 140        | 8           | 487.064.634.570          | 281.281.762.068        |
| 1.        | Hàng tồn kho                                | 141        |             | 487.064.634.570          | 281.281.762.068        |
| 2.        | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | 149        |             | -                        | -                      |
| IV.       | Tài sản ngắn hạn khác                       | 150        |             | 62.887.008.945           | 37.195.763.405         |
| 1.        | Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | 10          | 2.345.322.260            | 1.511.514.378          |
| 2.        | Thuế GTGT được khấu trừ                     | 152        |             | 60.541.686.685           | 35.684.249.027         |
| <b>B-</b> | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>415.291.822.617</b>   | <b>291.682.776.127</b> |
| I.        | Tài sản cố định                             | 220        |             | 3.324.113.623            | 2.098.729.543          |
| 1.        | Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 11          | 2.474.113.623            | 2.098.729.543          |
|           | - Nguyên giá                                | 222        |             | 421.927.419.121          | 421.205.342.403        |
|           | - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 223        |             | (419.453.305.498)        | (419.106.612.860)      |
| 2.        | Tài sản cố định vô hình                     | 227        | 12          | 850.000.000              | -                      |
|           | - Nguyên giá                                | 228        |             | 995.593.360              | 145.593.360            |
|           | - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 229        |             | (145.593.360)            | (145.593.360)          |
| II.       | Tài sản dở dang dài hạn                     | 240        |             | 407.504.386.485          | 287.309.080.027        |
| 1.        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 9           | 407.504.386.485          | 287.309.080.027        |
| III.      | Tài sản dài hạn khác                        | 260        |             | 4.463.322.509            | 2.274.966.557          |
| 1.        | Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 10          | 2.877.329.475            | -                      |
| 2.        | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        |             | 878.517.651              | 262.034.305            |
| 3.        | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        |             | 707.475.383              | 2.012.932.252          |
|           | TỔNG CỘNG TÀI SẢN                           | 270        |             | 1.646.450.048.187        | 1.286.794.414.028      |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN / MẪU SỐ B01 – DN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(\*) Đơn vị tính: VNĐ

|           | CHỈ TIÊU                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016               | 01/01/2016             |
|-----------|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>C-</b> | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             | <b>300</b> |             | <b>1.214.935.122.163</b> | <b>870.456.088.993</b> |
| I.        | Nợ ngắn hạn                                    | 310        |             | 1.164.935.122.163        | 836.511.304.103        |
| 1.        | Phải trả người bán ngắn hạn                    | 311        | 13          | 371.560.867.648          | 315.552.328.973        |
| 2.        | Người mua trả tiền trước ngắn hạn              | 312        |             | 92.156.428.364           | 26.303.430.507         |
| 3.        | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 313        | 14          | 305.792.154              | 3.337.024.703          |
| 4.        | Phải trả người lao động                        | 314        |             | 9.162.379.579            | 8.252.693.358          |
| 5.        | Chi phí phải trả ngắn hạn                      | 315        | 15          | 19.144.986.847           | 19.485.170.628         |
| 6.        | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn              | 318        |             | -                        | 2.141.677.043          |
| 7.        | Phải trả ngắn hạn khác                         | 319        | 16          | 4.191.568.181            | 2.064.443.536          |
| 8.        | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn              | 320        | 17          | 666.211.196.652          | 450.443.046.360        |
| 9.        | Dự phòng phải trả ngắn hạn                     | 321        |             | -                        | 5.500.000.000          |
| 10.       | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | 322        |             | 2.201.902.738            | 3.431.488.995          |
| II.       | Nợ dài hạn                                     | 330        |             | 50.000.000.000           | 33.944.784.890         |
| 1.        | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn               | 338        | 17          | 50.000.000.000           | 33.944.784.890         |
| <b>D-</b> | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          | <b>400</b> |             | <b>431.514.926.024</b>   | <b>416.338.325.035</b> |
| I.        | Vốn chủ sở hữu                                 | 410        | 18          | 431.514.926.024          | 416.338.325.035        |
| 1.        | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 411        |             | 311.998.250.000          | 311.998.250.000        |
|           | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 311.998.250.000          | 311.998.250.000        |
| 2.        | Quỹ đầu tư phát triển                          | 418        |             | 70.437.746.061           | 63.337.580.789         |
| 3.        | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                  | 420        |             | 12.101.619.462           | 10.026.608.660         |
| 4.        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối              | 421        |             | 36.977.310.501           | 30.975.885.586         |
|           | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 1.175.642.543            | 1.175.642.543          |
|           | - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 35.801.667.958           | 29.800.243.043         |
|           | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN                            | 440        |             | 1.646.450.048.187        | 1.286.794.414.028      |

Người lập

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hồng



Huỳnh Trung Hiếu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / MẪU SỐ B02- DN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

(\*) Đơn vị tính: VNĐ

|     | CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016        | 01/01/2016        |
|-----|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1.  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 20          | 3.261.061.602.520 | 3.151.854.245.484 |
| 2.  | Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                 | -                 |
| 3.  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 3.261.061.602.520 | 3.151.854.245.484 |
| 4.  | Giá vốn hàng bán                                | 11    | 21          | 2.915.043.016.207 | 2.806.472.488.216 |
| 5.  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 346.018.586.313   | 345.381.757.268   |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 22          | 554.868.294       | 2.036.711.089     |
| 7.  | Chi phí tài chính                               | 22    | 23          | 27.356.517.715    | 16.163.927.216    |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                     | 23    |             | 32.490.128.385    | 23.496.979.291    |
| 8.  | Chi phí bán hàng                                | 25    | 26          | 205.296.680.755   | 252.144.528.769   |
| 9.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 26          | 46.167.401.364    | 27.815.526.231    |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |             | 67.752.854.773    | 51.294.486.141    |
| 11. | Thu nhập khác                                   | 31    | 24          | 7.842.240.129     | 4.096.880.044     |
| 12. | Chi phí khác                                    | 32    | 25          | 3.531.163.079     | 603.477.628       |
| 13. | Lợi nhuận khác                                  | 40    |             | 4.311.077.050     | 3.493.402.416     |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 50    |             | 72.063.931.823    | 54.787.888.557    |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 51    | 28          | 15.038.869.711    | 12.374.064.276    |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | 52    |             | (616.483.346)     | (262.034.305)     |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 60    |             | 57.641.545.458    | 42.675.858.586    |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70    | 29          | 1.847             | 1.207             |

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Kế toán trưởng

Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Huỳnh Trung Hiếu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ / MẪU SỐ B03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

(\*) Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Năm 2016            | Năm 2015            |
|--|-------|---------------------|---------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    | 72.063.931.823      | 54.787.888.557      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản  |       |                     |                     |
| - Khấu hoa TSCĐ và BDSĐT   | 02    | 506.247.465         | 38.508.860.768      |
| - Các khoản dự phòng   | 03    | (5.500.000.000)     | 5.500.000.000       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá tại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    | 26.069.355          | (304.775.322)       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    | (380.109.403)       | (1.105.657.726)     |
| - Chi phí vay lãi  | 06    | 32.490.128.385      | 23.496.979.291      |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07    | (5.349.767.876)     | (7.737.807.025)     |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08    | 93.856.499.749      | 113.145.488.543     |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    | (108.509.524.293)   | (92.185.902.316)    |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    | (204.477.415.633)   | (42.041.027.676)    |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | 135.809.534.297     | 1.081.385.378       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12    | (3.711.137.357)     | 12.597.863.019      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14    | (32.815.594.218)    | (20.965.499.884)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | (17.915.415.605)    | (13.392.808.955)    |
| - Tiền thu từ hoạt động kinh doanh   | 16    | 142.022.304         | 215.000.000         |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17    | (6.288.833.030)     | (6.448.438.636)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20    | (143.909.863.786)   | (47.993.940.527)    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |                     |                     |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn                                     | 21    | (130.863.456.288)   | (198.239.517.720)   |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    | 380.109.403         | 1.105.657.726       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30    | (130.483.346.885)   | (197.133.859.994)   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |       |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    | 3.017.261.629.592   | 1.590.000.000.000   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | (2.785.438.264.190) | (1.429.743.046.360) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    | (36.522.819.600)    | (23.465.874.900)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40    | 195.300.545.802     | 136.791.078.740     |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm  | 50    | (79.092.664.869)    | (108.336.721.781)   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60    | 101.509.919.554     | 209.541.524.458     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái trong quy đổi ngoại tệ                                    | 61    | 9.417.235           | 305.116.877         |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm  | 70    | 22.426.671.920      | 101.509.919.554     |

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hồng

Phùng Thanh Hồng



Huỳnh Trung Hiếu

# Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính

## 1- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0100106352 ngày 09/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09/12/2015, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng là 311.998.250.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 246 người (tại 31/12/2015 là 256 người).

### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...) và bán buôn tro bay.

Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương.

Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Bốc xếp hàng hóa.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Khai thác quặng sắt.

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...).

Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội.

Kinh doanh khai thác, chế biến xỉ thải và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội.

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (than đá và nhiên liệu rắn khác dùng cho ngành xi măng, xăng, dầu và các sản phẩm liên quan).

Bán buôn kim loại dùng cho sản xuất xi măng (quặng sắt, bô xít, silic,...); Bán buôn sắt, thép dùng cho xây dựng.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.

Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hướng hoa hồng (ngoài cửa hàng).

Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

### **1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

| STT | Tên chi nhánh                     | Địa điểm   |
|-----|-----------------------------------|--|
| 1   | Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch | Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương                                  |
| 2   | Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh  | Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. |
| 3   | Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng   | Số 20 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng    |
| 4   | Văn phòng đại diện tại Phú Thọ    | Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ                              |
| 5   | Chi nhánh Công ty tại Bỉm Sơn     | Số 6 đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trao, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa      |
| 6   | Chi nhánh Công ty tại Hà Nam      | Thôn La Mát, xã Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam                      |
| 7   | Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai   | Thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An                  |
| 8   | Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình   | Số 2, Đường Hoàng Diệu, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình                     |
| 9   | Đoàn vận tải                      | Số 24, phố Chợ Cũ, tổ 47 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh                  |

## **2 - NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### **2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

Đồng Việt Nam (VND)

## **3 - CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **4 - TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra..

### **4.3 CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Ông Phùng Thành Hồng - Kế toán trưởng,  
Người được ủy quyền công bố thông tin của  
Công ty

#### 4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 4.5 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### 4.5.1 Ghi nhận ban đầu

(\*) Tài sản tài chính:

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

(\*) Nợ phải trả tài chính:

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

##### 4.5.2 Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### 4.5.3 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐỜI

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### 4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẨU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc

- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| Tài sản khấu hao                | Thời gian khấu hao (Năm) |
|---------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 03 - 31                  |
| Máy móc thiết bị                | 05 - 06                  |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 06                  |
| Thiết bị văn phòng              | 03                       |

Công ty đã gửi công văn thông báo và đăng ký với Cơ quan thuế về việc thực hiện khấu hao nhanh một số tài sản thuộc nhóm phương tiện vận tải.

#### 4.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm kế toán và giá trị quyền sử dụng đất tại chi nhánh Hải Phòng. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm. Đến thời điểm hiện tại, các chương trình phần mềm đã hết khấu hao.

#### 4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng, viết tắt là Comatce" tại địa điểm phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được đầu tư theo Quyết định số 433/QĐ-VTVT ngày 25/04/2012 của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 804,537 tỷ đồng. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000302 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 10/08/2012. Thời gian thực hiện dự kiến của Dự án là từ quý II/2012 đến quý II/2017 theo Quyết định số 950/QĐ-VTVT ngày 11/11/2014 của Hội đồng quản trị về phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

#### 4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ trong thời hạn 12 tháng;
- Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời hạn 12 tháng;
- Chi phí liên quan đến hoạt động bán nhà qua sàn chờ phân bổ, chi phí này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

#### 4.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### 4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### 4.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả

thầu phụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ do nhà thầu đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;

#### **4.14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **4.15 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (d) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- (e) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- (f) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- (g) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- (h) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.16 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.17 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm tài chính 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

#### 4.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

#### 5 - TIỀN

| LOẠI TIỀN          | 31/12/2016            | 01/01/2016             |
|--------------------|-----------------------|------------------------|
|                    | VND                   | VND                    |
| Tiền mặt           | 185.307.145           | 152.990.807            |
| Tiền gửi ngân hàng | 22.241.364.775        | 101.356.928.747        |
| <b>Cộng</b>        | <b>22.426.671.920</b> | <b>101.509.919.554</b> |

#### 6 - PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| KHÁCH HÀNG                               | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>  |                        |                        |
| Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn         | 93.080.345.475         | 66.991.543.346         |
| Công ty CP Xi măng Vicem Bỉm Sơn         | 165.611.110.087        | 157.247.279.424        |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | 43.120.511.302         | 73.869.148.157         |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp  | 130.810.275.848        | 176.914.113.937        |
| Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai       | 39.775.279.209         | 57.628.843.984         |
| Các khoản phải thu khách hàng khác       | 164.678.797.222        | 32.595.993.915         |
| <b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>       |                        |                        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>637.076.319.143</b> | <b>565.246.922.763</b> |

#### PHẢI THU KHÁCH HÀNG LÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

| TÊN CÔNG TY                                | 31/12/2016      | 01/01/2016      |
|--|-----------------|-----------------|
|  | VND             | VND             |
| Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn           | 93.080.345.475  | 66.991.543.346  |
| Công ty CP Xi măng Vicem Bỉm Sơn           | 165.611.110.087 | 157.247.279.424 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng   | 43.120.511.302  | 73.869.148.157  |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp    | 130.810.275.848 | 176.914.113.937 |
| Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai         | 39.775.279.209  | 57.628.843.984  |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | 32.903.052.360  | 31.053.183.985  |
| Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân           | 55.240.888.019  | -               |
| Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên           | 22.696.460.820  | -               |
| Công ty CP Xi măng Hạ Long                 | 51.717.557.629  | -               |

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ phải thu đều là nợ thường xuyên, luân chuyển, không có nợ phải thu khó đòi.

**7 - CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

| KHOẢN THU                 | 31/12/2016           |          | 01/01/2016           |          |
|---------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                           | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|                           | VND                  | VND      | VND                  | VND      |
| <b>Ngắn hạn</b>           | <b>1988.637.969</b>  |          | <b>1.727.625.845</b> |          |
| Thuế thu nhập cá nhân     | 445.492.646          | -        | 465.144.658          | -        |
| Bảo hiểm xã hội           | 78.064.509           | -        | 44.256.274           | -        |
| Tạm ứng                   | 995.976.574          | -        | 1.200.186.685        | -        |
| Thu hộ chi hộ tại tàu     | 375.744.928          | -        | -                    | -        |
| Comatce Sun, Comatce Star |                      |          |                      |          |
| Phát hao hụt hàng hóa     | 87.857.729           | -        | -                    | -        |
| Phải thu khác             | 5.501.583            | -        | 18.038.228           | -        |
| <b>Dài hạn</b>            | <b>-</b>             | <b>-</b> | <b>-</b>             | <b>-</b> |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.988.637.969</b> |          | <b>1.727.625.845</b> |          |

**8 - HÀNG TỒN KHO**

| MẶT HÀNG TỒN          | 31/12/2016             |          | 01/01/2016             |          |
|-----------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                       | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
|                       | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.064.905.185          | -        | 3.952.969.176          | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 1.648.377.795          | -        | 4.434.756.632          | -        |
| Hàng hóa (*)          | 480.351.351.590        | -        | 272.894.036.260        | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>487.064.634.570</b> |          | <b>281.281.762.068</b> |          |

(\*): Hàng hóa của Công ty chủ yếu là than cám.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị mất giá.

**9 - TÀI SẢN DỞ DÀNG DÀI HẠN**

| TÊN TÀI SẢN                       | 31/12/2016             | 01/01/2016             |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                    |
| Công trình Dự án toàn nhà Comatce | 407.081.161.030        | 287.309.080.027        |
| Chi phí sửa chữa cải tạo khác:    | 423.225.455            | -                      |
| <b>Cộng</b>                       | <b>407.504.386.485</b> | <b>287.309.080.027</b> |

**10 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

| LOẠI CHI PHÍ                        | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                     | VND                  | VND                  |
| <b>Ngắn hạn</b>                     | <b>2.345.322.260</b> | <b>1.511.514.378</b> |
| Chi phí mua bảo hiểm                | 1.550.180.651        | 1.511.514.378        |
| Chi phí công cụ dụng cụ             | 795.141.609          | -                    |
| <b>Dài hạn</b>                      | <b>2.877.329.475</b> | <b>-</b>             |
| Chi phí bán nhà qua sàn chờ phân bổ | 2.664.852.323        | -                    |
| Chi phí trả trước dài hạn khác      | 212.477.152          | -                    |

**11 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| TÊN TÀI SẢN                   | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tổng            |
|-------------------------------|--------------------------|------------------|---------------------|--------------------|-----------------|
|                               | VND                      | VND              | VND                 | VND                |                 |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                          |                  |                     |                    |                 |
| Tại ngày 01/01/2016           | 6.332.982.988            | 921.045.112      | 413.564.116.295     | 387.198.008        | 421.205.342.403 |
| Mua trong năm                 | -                        | 881.631.545      | -                   | -                  | 881.631.545     |
| Thanh lý, nhượng bán          | -                        | -                | -                   | (96.209.827)       | (96.209.827)    |
| Giảm khác                     | (63.345.000)             | -                | -                   | -                  | (63.345.000)    |
| Tại ngày 31/12/2016           | 6.269.637.988            | 1.802.676.657    | 413.564.116.295     | 290.988.181        | 421.927.419.121 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KẾ</b> |                          |                  |                     |                    |                 |
| Tại ngày 01/01/2016           | 4.634.550.640            | 839.059.192      | 413.302.270.807     | 330.732.221        | 419.106.612.860 |
| Khấu hao trong năm            | 226.600.561              | 73.192.652       | 173.230.296         | 33.223.956         | 506.247.465     |
| Thanh lý, nhượng bán          | -                        | -                | -                   | (96.209.827)       | (96.209.827)    |
| Giảm khác                     | (63.345.000)             | -                | -                   | -                  | (63.345.000)    |
| Tại ngày 31/12/2016           | 4.797.806.201            | 912.251.844      | 413.475.501.103     | 267.746.350        | 419.453.305.498 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                          |                  |                     |                    |                 |
| Tại ngày 01/01/2016           | 1.698.432.348            | 81.985.920       | 261.845.488         | 56.465.787         | 2.098.729.543   |
| Tại ngày 31/12/2016           | 1.471.831.787            | 890.424.813      | 88.615.192          | 23.241.831         | 2.474.113.623   |

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 415.995.023.201 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 414.395.479.847 đồng).

**12 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| TÊN TÀI SẢN                   | Phần mềm<br>kế toán | Quyền sử<br>dụng đất | Tổng        |
|-------------------------------|---------------------|----------------------|-------------|
|                               | VND                 | VND                  | VND         |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                     |                      |             |
| Tại ngày 01/01/2016           | 145.593.360         | -                    | 145.593.360 |
| Tăng trong năm                | -                   | 850.000.000          | 850.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2016           | 145.593.360         | 850.000.000          | 995.593.360 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                     |                      |             |
| Tại ngày 01/01/2016           | 145.593.360         | -                    | 145.593.360 |
| Tại ngày 31/12/2016           | 145.593.360         | -                    | 145.593.360 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                     |                      |             |
| Tại ngày 01/01/2016           | -                   | -                    | -           |
| Tại ngày 31/12/2016           | -                   | 850.000.000          | 850.000.000 |

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 145.593.360 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 145.593.360 đồng).

**13 - PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

| TÊN CÔNG TY                                     | 31/12/2016             |                        | 01/01/2016             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
|   | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| <b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>    |                        |                        |                        |                        |
| Tổng công ty Đông Bắc                           | 5.960.993.640          | 5.960.993.640          | 80.529.220.740         | 80.529.220.740         |
| Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam | 227.816.814.305        | 227.816.814.305        | 167.682.763.935        | 167.682.763.935        |
| Phải trả cho các đối tượng khác                 | 137.783.059.703        | 137.783.059.703        | 67.340.344.298         | 67.340.344.298         |
| <b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>     | -                      | -                      | -                      | -                      |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>371.560.867.648</b> | <b>371.560.867.648</b> | <b>315.552.328.973</b> | <b>315.552.328.973</b> |

| TÊN CÔNG TY                               | 31/12/2016    |                       | 01/01/2016    |                       |
|---|---------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
|   | Giá trị       | Số có khả năng trả nợ | Giá trị       | Số có khả năng trả nợ |
|   | VND           | VND                   | VND           | VND                   |
| <b>Phải trả cho các bên bán liên quan</b> |               |                       |               |                       |
| Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 5.417.201.697 | 5.417.201.697         | 5.297.749.267 | 5.297.749.267         |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch | 457.313.106   | 457.313.106           | 765.771.558   | 765.771.558           |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên           | 2.811.326.815 | 2.811.326.815         | -             | -                     |

**14 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| CÁC LOẠI THUẾ               | 01/01/2016           | Số phải nộp<br>trong năm | Số đã nộp<br>trong năm | 31/12/2016         |
|-----------------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|--------------------|
|                             | VND                  | VND                      | VND                    | VND                |
| Thuế giá trị gia tăng       | -                    | 11.644.839.185           | 11.644.839.185         | -                  |
| Thuế xuất nhập khẩu         | -                    | 8.994.411                | 8.994.411              | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 3.177.827.728        | 15.038.869.711           | 17.915.415.605         | 301.281.834        |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 159.196.975          | 1.349.755.974            | 1.504.442.629          | 4.510.320          |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -                    | 1.451.803.320            | 1.451.803.320          | -                  |
| Các loại thuế khác          | -                    | 21.084.000               | 21.084.000             | -                  |
| <b>Cộng</b>                 | <b>3.337.024.703</b> | <b>29.515.346.601</b>    | <b>32.546.579.150</b>  | <b>305.792.154</b> |

**15 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

| CÁC LOẠI CHI PHÍ  | 31/12/2016            | 01/01/2016            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>Ngắn hạn</b>   | <b>19.144.986.847</b> | <b>19.485.170.628</b> |
| Chi phí lãi vay   | 811.118.957           | 588.184.740           |
| Chi phí sửa chữa nhà làm việc tại 21B Cát Linh                      | 3.987.381.405         | -                     |
| Dự chi lãi phải trả Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 11.595.700.074        | 16.945.168.000        |
| Chi phí phải trả khác   | 2.750.786.411         | 1.951.817.888         |
| <b>Dài hạn</b>  | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Cộng</b>   | <b>19.144.986.847</b> | <b>19.485.170.628</b> |

**16 - PHẢI TRẢ KHÁC**

| CÁC LOẠI CHI PHÍ   | 31/12/2016           | 01/01/2016           |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| <b>Ngắn hạn</b>  | <b>4.191.568.181</b> | <b>2.064.443.536</b> |
| Kinh phí công đoàn   | -                    | 15.809.651           |
| Bảo hiểm y tế  | 116.985.763          | 123.283.285          |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                       | 8.601.247            | 13.039.037           |
| Phải trả về tổ chức  | 836.303.672          | 225.963.397          |
| Phải trả Công ty TNHH TM Vận tải Hải Phòng                 | 1.496.657.472        | 1.496.657.472        |
| Phải trả tiền đặt cọc nhiên liệu FRAME CHARTERING Co., Ltd | 1.366.874.646        | -                    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                          | 360.407.611          | 184.324.918          |
| Dư có của khoản phải thu khác                              | 5.737.770            | 5.365.776            |
| <b>Dài hạn</b>   | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.191.568.181</b> | <b>2.064.443.536</b> |

## 17 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| CÁC LOẠI THUẾ   | 01/01/2016             |                        |                          | Trong năm                |                        |                        | 31/12/2016 |            |            |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------|------------|------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng                     | Giảm                     | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | VND        | VND        | VND        |
| <b>Vay ngắn hạn</b>   |                        |                        |                          |                          |                        |                        |            |            |            |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)                       | 450.443.046.360        | 450.443.046.360        | 3.001.206.414.482        | 2.785.438.264.190        | 666.211.196.652        | 666.211.196.652        | VND        | VND        | VND        |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)                                   | 189.850.000.000        | 189.850.000.000        | 1.281.767.371.040        | 1.207.617.371.040        | 264.000.000.000        | 264.000.000.000        | VND        | VND        | VND        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                  | 70.000.000.000         | 70.000.000.000         | 756.683.061.900          | 636.683.061.900          | 190.000.000.000        | 190.000.000.000        | VND        | VND        | VND        |
| Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hoàn Kiếm (5)     | 168.000.000.000        | 168.000.000.000        | 608.600.000.000          | 756.600.000.000          | 20.000.000.000         | 20.000.000.000         | VND        | VND        | VND        |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch (6) | -                      | -                      | 147.211.196.652          | -                        | 147.211.196.652        | 147.211.196.652        | VND        | VND        | VND        |
| <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>                                 |                        |                        |                          |                          |                        |                        |            |            |            |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                  | 18.593.046.360         | 18.593.046.360         | 13.944.784.890           | 32.537.831.250           | -                      | -                      | VND        | VND        | VND        |
| Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam (4)                 | 4.000.000.000          | 4.000.000.000          | 20.000.000.000           | 4.000.000.000            | 20.000.000.000         | 20.000.000.000         | VND        | VND        | VND        |
| <b>Vay dài hạn</b>  |                        |                        |                          |                          |                        |                        |            |            |            |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                  | 33.944.784.890         | 33.944.784.890         | 50.000.000.000           | 33.944.784.890           | 50.000.000.000         | 50.000.000.000         | VND        | VND        | VND        |
| Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam (4)                 | 13.944.784.890         | 13.944.784.890         | -                        | 13.944.784.890           | -                      | -                      | VND        | VND        | VND        |
| Ngân hàng TMCP công thương Chương Dương                       | 20.000.000.000         | 20.000.000.000         | -                        | 20.000.000.000           | -                      | -                      | VND        | VND        | VND        |
| <b>Cộng</b>   | <b>484.387.831.250</b> | <b>484.387.831.250</b> | <b>3.051.206.414.482</b> | <b>2.819.383.049.080</b> | <b>716.211.196.652</b> | <b>716.211.196.652</b> | <b>VND</b> | <b>VND</b> | <b>VND</b> |

## KHOẢN VAY ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| CÁC LOẠI THUẾ                                    | 01/01/2016     |                       |      | Trong năm |                |                       | 31/12/2016 |     |     |
|--|----------------|-----------------------|------|-----------|----------------|-----------------------|------------|-----|-----|
|  | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm      | Giá trị        | Số có khả năng trả nợ | VND        | VND | VND |
| <b>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam</b> |                |                       |      |           |                |                       |            |     |     |
|  | 24.000.000.000 | 24.000.000.000        | -    | -         | 20.000.000.000 | 20.000.000.000        | VND        | VND | VND |

## (\*) Chú thích các khoản vay :

(1) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương** theo hợp đồng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT128-VICEM ngày 05/09/2016, hạn mức cho vay là 280 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/08/2017. Các khoản vay theo từng giấy nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

(2) **Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ** theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 40102.16.051.441555.TD ngày 01/08/2016 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 20/07/2017. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân.

(3) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung** theo hợp đồng tín dụng 01/2016/1373916/HĐTD ngày 15/08/2016 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 05/07/2017. Lãi suất và lịch trả nợ được xác định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được vay theo hình thức tín chấp.

(4) **Khoản vay Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam** theo Hợp đồng tín dụng số 223/XMVN-KTTC ngày 03/03/2009, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng. Khoản vay với mục đích đầu tư mua tàu Comatce Star. Thời hạn vay là 8,5 năm, lãi suất cho vay là 10,8%/năm. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là tháng 9/2012 và kỳ trả nợ gốc cuối cùng là tháng 9/2017.

(5) **Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương – Chi nhánh Hoàn Kiếm** theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HKI-HĐTD/16114 ngày 09/11/2016 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân.

(6) **Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch** theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 28/2016/HĐTDHM ngày 06/7/2016 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn của các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ . Lãi suất cho vay theo từng Khế ước nhận nợ.

(7) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương** theo Hợp đồng số 01/2015/HĐTDDA/NHCT128-VTV/COMATCETOWER ngày 25/8/2015 với tổng giá trị cho vay là 520 tỷ đồng nhưng không vượt quá tổng mức 72% tổng vốn dự án trước VAT; tổng dư nợ cho vay không vượt quá 180 tỷ đồng. Khoản vay với mục đích để thanh toán các chi phí hợp pháp của Dự án "Tòa nhà công trình Công ty CP Vicem Vật tư Vận tải Xi măng". Khoản vay được giải ngân trong vòng 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời hạn cho vay các khoản nợ là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Gốc vay của các khoản nợ sau thời gian ân hạn được trả làm 36 kỳ liên tiếp trên cơ sở 3 tháng/1 lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của mỗi quý. Lãi vay thanh toán 3 tháng/1 lần vào ngày 1 của tháng đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp cho Hợp đồng vay là 6 tầng để khu thương mại, khu văn phòng làm việc và cho thuê văn phòng hình thành trong tương lai thuộc dự án "Tòa nhà Công ty Vicem Cổ phần Vật tư Vận tải xi măng" với giá trị tài sản thế chấp là 272 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 01/2015/NHCT128-VICEM ngày 6/5/2016 và văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp (lần 1) tháng 12 năm 2016

**KẾ HOẠCH TRẢ NỢ CHI TIẾT**

|                              | 31/12/2016            | 01/01/2016            |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                              | VND                   | VND                   |
| Trong vòng 1 năm             | 20.000.000.000        | 22.593.046.360        |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ năm | 22.222.222.222        | 33.944.784.890        |
| Sau năm năm                  | 27.777.777.778        | -                     |
|                              | 70.000.000.000        | 56.537.831.250        |
| Nợ dài hạn đến hạn trả       | 20.000.000.000        | 22.593.046.360        |
| <b>Vay và nợ dài hạn</b>     | <b>50.000.000.000</b> | <b>33.944.784.890</b> |

**18 - VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| CÁC LOẠI THUẾ                | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối   | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Tổng cộng              |
|------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------|
|                              | VND                    | VND                  | VND                   | VND                   | VND                           | VND                    |
| <b>Tại ngày 01/01/2015</b>   | <b>156.000.000.000</b> | 128.662.547.973      | 76.805.593.222        | <b>31.750.568.812</b> | 8.185.600.936                 | <b>401.404.310.943</b> |
| Lãi trong năm                | -                      | -                    | -                     | 42.675.858.586        | -                             | 42.675.858.586         |
| Tăng vốn trong năm           | 155.998.250.000        | (128.662.547.973)    | (27.335.702.027)      | -                     | -                             | -                      |
| Trích các quỹ                | -                      | 13.867.689.594       | (20.830.568.812)      | 1.841.007.724         | (5.121.871.494)               | (10.920.000.000)       |
| Chia cổ tức năm 2014         | -                      | -                    | -                     | -                     | -                             | (11.699.973.000)       |
| Tạm chia cổ tức năm 2015     | -                      | -                    | -                     | -                     | -                             | (11.699.973.000)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>   | <b>311.998.250.000</b> | 63.337.580.789       | 30.975.885.586        | 10.026.608.660        | 416.338.325.035               | 416.338.325.035        |
| Lãi trong năm                | -                      | -                    | -                     | 57.641.545.458        | -                             | 57.641.545.458         |
| Trích các quỹ                | -                      | 7.100.165.272        | (14.200.330.543)      | 2.075.010.802         | (5.025.154.469)               | (5.025.154.469)        |
| Chia cổ tức năm 2015         | -                      | -                    | -                     | -                     | -                             | (15.599.912.500)       |
| Tạm chia cổ tức năm 2016 (*) | -                      | -                    | -                     | -                     | -                             | (21.839.877.500)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2016</b>   | <b>311.998.250.000</b> | 70.437.746.061       | 36.977.310.501        | 12.101.619.462        | 431.514.926.024               | 431.514.926.024        |

Theo Nghị quyết số 383/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2016 của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ : 2.075.010.802 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 7.100.165.272 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 4.525.154.469 đồng
- Thủ trưởng ban điều hành : 500.000.000 đồng
- Chia cổ tức : 27.299.885.500 đồng (trong đó Công ty đã tạm chia cổ tức trong năm 2015 với số tiền là 11.699.973.000 đồng

(\*): Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tương ứng số tiền là 21.839.877.500 đồng theo Nghị quyết số 613/NQ-HĐQT ngày 15/06/2016 của Hội đồng quản trị của Công ty.

**21 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                             | Năm 2016                 | Năm 2015                 |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                             | VND                      | VND                      |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.915.043.016.207        | 2.806.472.488.216        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>2.915.043.016.207</b> | <b>2.806.472.488.216</b> |

**22 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                       | Năm 2016           | Năm 2015             |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                       | VND                | VND                  |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay            | 380.109.403        | 1.105.657.726        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh       | 160.897.899        | 626.278.041          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | -                  | 304.775.322          |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác    | 13.860.992         | -                    |
| <b>Cộng</b>                           | <b>554.868.294</b> | <b>2.036.711.089</b> |

**23 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                      | Năm 2016              | Năm 2015              |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền vay                         | 32.490.128.385        | 23.496.979.291        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh       | 189.817.851           | 404.754.950           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 26.339.355            | -                     |
| Hoàn nhập lãi dự chi                 | (5.349.767.876)       | (7.737.807.025)       |
| <b>Cộng</b>                          | <b>27.356.517.715</b> | <b>16.163.927.216</b> |

**24 - THU NHẬP KHÁC**

|  | Năm 2016             | Năm 2015             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng        | 3.944.653.233        | 2.431.501.080        |
| Thu từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ | 244.024.852          | 3.245.455            |
| Thu nhập khác                            | 3.653.562.044        | 1.662.133.509        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>7.842.240.129</b> | <b>4.096.880.044</b> |

**25- CHI PHÍ KHÁC**

|  | Năm 2016             | Năm 2015           |
|--|----------------------|--------------------|
|  | VND                  | VND                |
| Phạt vi phạm hợp đồng                            | 1.058.715.592        | 291.608.862        |
| Phí dôi nhật do vận chuyển, bốc xếp chậm tiến độ | 1.696.427.200        | -                  |
| Các khoản khác                                   | 776.020.287          | 311.868.766        |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>3.531.163.079</b> | <b>603.477.628</b> |

**26 - CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  | Năm 2016               | Năm 2015               |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| <b>Chi phí bán hàng</b>                        | <b>205.296.680.755</b> | <b>252.144.528.769</b> |
| Chi phí nhân viên                              | 23.033.037.745         | 27.263.598.698         |
| Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ              | 1.198.311.463          | 13.419.637.543         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                          | 185.360.109            | 38.188.625.655         |
| Chi phí vận chuyển                             | 142.191.095.619        | 110.984.656.457        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 27.767.742.388         | 29.698.619.735         |
| Chi phí băng tiền khác                         | 16.421.133.431         | 32.589.390.681         |
| Hoàn nhập chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | (5.500.000.000)        | -                      |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>            | <b>46.167.401.364</b>  | <b>27.815.526.231</b>  |
| Chi phí nhân viên                              | 19.829.795.594         | 13.089.195.069         |
| Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ              | 934.662.504            | 616.541.865            |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                          | 320.887.356            | 320.235.113            |
| Thuế, phí và lệ phí                            | 1.472.887.320          | 1.353.775.917          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 7.306.624.517          | 6.069.269.341          |
| Chi phí băng tiền khác                         | 16.302.544.073         | 6.366.508.926          |

**27 - CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2016               | Năm 2015               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 20.283.284.740         | 14.036.179.408         |
| Chi phí nhân công                | 42.862.833.339         | 40.352.793.767         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 506.247.465            | 38.508.860.768         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 173.238.349.844        | 245.385.210.097        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 32.723.677.504         | 50.989.453.266         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>269.614.392.892</b> | <b>389.272.497.306</b> |

**28 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Năm 2016              | Năm 2015              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   | <b>72.063.931.823</b> | <b>54.787.888.557</b> |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế   | 48.000.000            | 266.793.131           |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>   | <b>72.111.931.823</b> | <b>55.054.681.688</b> |
| Thuế suất thuế  | 20%                   | 22%                   |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành | 14.422.386.365        | 12.112.029.971        |
| - Thuế TNDN tạm gộp theo tiến độ thu tiền của hợp đồng mua căn hộ           | 616.483.346           | 262.034.305           |
| <b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                   | <b>15.038.869.711</b> | <b>12.374.064.276</b> |

**29 - LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|   | Năm 2016       | Năm 2015        |
|---|----------------|-----------------|
|   | VND            | VND             |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                      | 57.641.545.458 | 42.675.858.586  |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông               | 57.641.545.458 | 42.675.858.586  |
| Trừ: Số trích lũy khen thưởng phúc lợi                                | -              | (5.025.154.469) |
| Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 31.199.825     | 31.199.825      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 1.847          | 1.207           |

**30 - GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan sau:

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ           |
|---|-----------------------|
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) | Công ty mẹ            |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng          | Công ty con của Vicem |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch        | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn             | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn             | Công ty con của Vicem |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp           | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai           | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch         | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên             | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long                   | Công ty con của Vicem |

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

|  | Năm 2016       | Năm 2015       |
|--|----------------|----------------|
|  | VND            | VND            |
| <b>Mua hàng</b>                                  |                |                |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp          | 16.101.672.000 | 76.957.411.195 |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch        | 3.477.255.193  | 5.486.006.173  |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn            | 9.847.754.092  | 7.419.082.274  |
| Công ty Cổ phần vận tải Hà Tiên                  | 16.275.638.194 | -              |
| <b>Tổng Công ty Công nghiệp Xi Măng Việt Nam</b> |                |                |
| Phí tư vấn chuyển giao công nghệ                 | 4.891.592.404  | 4.727.781.402  |
| Chi phí lãi vay                                  | 2.412.000.000  | 2.840.400.000  |
| Gốc vay đã trả                                   | 4.000.000.000  | 4.000.000.000  |

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty như sau:

|                   | Năm 2016             | Năm 2015             |
|-------------------|----------------------|----------------------|
|                   | VND                  | VND                  |
| Hội đồng quản trị | 427.000.000          | 584.000.000          |
| Ban Giám đốc      | 1.683.903.237        | 2.007.935.398        |
| <b>Cộng</b>       | <b>2.110.903.237</b> | <b>2.591.935.398</b> |

## 31 - CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 31.1 CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

|                                      | Giá trị ghi sổ<br>31/12/2016<br>VND | Giá trị ghi sổ<br>01/01/2016<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                                     |                                     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 22.426.671.920                      | 101.509.919.554                     |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 637.623.487.892                     | 565.264.960.991                     |
| <b>Cộng</b>                          | <b>660.050.159.812</b>              | <b>666.774.880.545</b>              |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                                     |                                     |
| Các khoản vay                        | 716.211.196.652                     | 484.387.831.250                     |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 375.626.848.819                     | 317.464.640.536                     |
| Chi phí phải trả                     | 19.144.986.847                      | 19.485.170.628                      |
| Công nợ tài chính khác               | -                                   | 5.500.000.000                       |
| <b>Cộng</b>                          | <b>1.110.983.032.318</b>            | <b>826.837.642.414</b>              |

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

### 31.2 MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban giám đốc nhận được.

### 31.3 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

#### Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

|                | Tài sản           |                   | Công nợ           |                   |
|----------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                | 31/12/2016<br>VND | 01/01/2016<br>VND | 31/12/2016<br>VND | 01/01/2016<br>VND |
| Đô la Mỹ (USD) | 6.366.201.049     | 15.061.509.920    | 313.957.140       | 453.003.501       |

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

#### Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

#### Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

#### Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

### 31.4 RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

|                                     | Dưới 1 năm      | Từ 1-5 năm     | Tổng            |
|-------------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                     | VND             | VND            | VND             |
| <b>Tại 31/12/2016</b>               |                 |                |                 |
| Các khoản vay                       | 666.211.196.652 | 50.000.000.000 | 716.211.196.652 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 375.626.848.819 | -              | 375.626.848.819 |
| Chi phí phải trả                    | 19.144.986.847  | -              | 19.144.986.847  |
| Công nợ tài chính khác              | -               | -              | 0               |
| <b>Tại 01/01/2016</b>               |                 |                |                 |
| Các khoản vay                       | 450.443.046.360 | 33.944.784.890 | 484.387.831.250 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 317.464.640.536 | -              | 317.464.640.536 |
| Chi phí phải trả                    | 19.485.170.628  | -              | 19.485.170.628  |
| Công nợ tài chính khác              | 5.500.000.000   |                | 5.500.000.000   |

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 31.5 ĐO LƯỜNG THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

### 32 - CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

### 33 - SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Ngoài ra, một số số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 31/07/2016 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

| Bảng cân đối kế toán   | Mã số | 31/12/2015            | Điều chỉnh theo KTNN | 01/01/2016                |
|--|-------|-----------------------|----------------------|---------------------------|
|  |       | VND                   |                      | VND                       |
| <b>Tài sản</b>   |       |                       |                      |                           |
| Thuế GTGT được khấu trừ  | 152   | 35.712.962.990        | (28.713.963)         | 35.684.249.027            |
| <b>Cộng</b>  |       | <b>35.712.962.990</b> | <b>(28.713.963)</b>  | <b>35.684.249.027</b>     |
| <b>Nợ phải trả</b>   |       |                       |                      |                           |
| Phải trả người bán ngắn hạn  | 311   | 315.630.616.965       | (78.287.992)         | 315.552.328.973           |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313   | 3.005.433.217         | 331.591.486          | 3.337.024.703             |
| Chi phí phải trả ngắn hạn  | 315   | 19.555.170.628        | (70.000.000)         | 19.485.170.628            |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi   | 322   | 4.819.148.995         | (1.387.660.000)      | 3.431.488.995             |
| <b>Nguồn vốn</b>   |       |                       |                      |                           |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  | 421   | 29.800.243.043        | 1.175.642.543        | 30.975.885.586            |
| <b>Cộng</b>  |       | <b>29.800.243.043</b> | <b>(28.713.963)</b>  | <b>66.650.730.120</b>     |
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>                                      |       |                       |                      |                           |
|  | Mã số | Năm 2015              | Điều chỉnh theo KTNN | Năm 2015 (Điều chỉnh lại) |
|  |       | VND                   |                      | VND                       |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26    | 29.244.472.268        | (1.428.946.037)      | 27.815.526.231            |
| Thu nhập khác  | 31    | 4.018.592.052         | 78.287.992           | 4.096.880.044             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 51    | 12.042.472.790        | 331.591.486          | 12.374.064.276            |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 60    | 41.500.216.043        | 1.175.642.543        | 42.675.858.586            |
| Lã cơ bản trên cổ phiếu  | 70    | 1.204                 |                      | 1.204                     |
| <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>  |       |                       |                      |                           |
|  | Mã số | Năm 2015              | Điều chỉnh theo KTNN | Năm 2015 (Điều chỉnh lại) |
|  |       | VND                   |                      | VND                       |
| Lợi nhuận trước thuế   |       | 53.280.654.528        | 1.507.234.029        | 54.787.888.557            |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  |       | (92.214.616.279)      | 28.713.963           | (92.185.902.316)          |
| Tăng, giảm các khoản phải trả<br>(Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) |       | 1.229.673.370         | (148.287.992)        | 1.081.385.378             |
| Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất   |       | (5.060.778.636)       | (1.387.660.000)      | (6.448.438.636)           |

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Kế toán trưởng

Phùng Thanh Hồng

Huỳnh Trung Hiếu



Website: [www.vtvxm.vn](http://www.vtvxm.vn)  
Điện thoại: 04 3845 7458  
Trụ Sở: 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội